



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 23/2022
Từ 13/6 - 17/6/2022

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

QUỐC HỘI: KỲ HỌP THỨ 3, KHÓA XV THÔNG QUA LUẬT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (SỬA ĐỔI)

Chiều ngày 15/6, với 424/437 đại biểu Quốc hội tham gia biểu quyết tán thành, chiếm 85,14% tổng số đại biểu, Quốc hội đã thông qua Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi).



Đại biểu Quốc hội biểu quyết thông qua Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi). Ảnh: Doãn Tấn/TTXVN

Luật này quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự và thủ tục thi đua, khen thưởng. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024.

Mục tiêu của thi đua là nhằm động viên, thu hút, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể, hộ gia đình phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, đổi mới, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Mục tiêu của khen thưởng là nhằm khuyến khích, động viên cá nhân, tập thể, hộ gia đình hăng hái thi đua; ghi nhận công lao, thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trước đó, trình bày Báo cáo tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Luật, Tổng Thư ký Quốc hội Bùi Văn Cường cho biết, về danh hiệu vinh dự nhà nước “Nghệ sĩ Nhân dân”, “Nghệ sĩ Ưu tú” (Điều 66), đa số ý kiến đại biểu Quốc hội phát biểu tại hội trường đồng ý với Phương án 1 bổ sung đối tượng xét tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Nghệ sĩ Nhân dân”, “Nghệ sĩ Ưu tú”.

Trong đó, một số đại biểu đề nghị làm rõ khái niệm “nghệ sĩ” để bảo đảm sự tường minh; đề nghị có đánh giá tác động việc mở rộng đối tượng xét tặng danh hiệu này để Quốc hội có căn cứ xem xét, quyết định, đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết về đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng đảm bảo không bỏ sót đối tượng, làm rõ thế nào là “tác phẩm xuất sắc, có giá trị cao về tư tưởng nghệ thuật và được công chúng yêu thích và đón nhận”. Đối với nhà văn và kiến trúc sư, các đại biểu đề nghị nghiên cứu thêm cho phù hợp và tạo sự đồng thuận cao...

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, việc rà soát để tiếp tục bổ sung người sáng tạo tác phẩm văn hóa, nghệ thuật thuộc đối tượng được xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ Nhân dân”, “Nghệ sĩ Ưu tú” là cần thiết, đảm bảo nguyên tắc “công bằng” trong khen thưởng. Tuy nhiên, đây là vấn đề mới, trong thời gian ngắn chưa thể đánh giá tác động kỹ lưỡng, đầy đủ. Do đó, sau khi lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất với Chính phủ, Cơ quan chủ trì thẩm tra và các cơ quan, tổ chức liên quan là chỉ quy định trong Luật những vấn đề đã chín, đã kỹ, đã rõ và đã chỉ đạo thiết kế Khoản 1 Điều 66 gồm 2 điểm.

Cụ thể, điểm a kế thừa quy định các đối tượng của luật hiện hành đang được thực hiện ổn định và điểm b quy định nhóm đối tượng mới được bổ sung, giao Chính phủ quy định, như sau: “b) Người sáng tạo tác phẩm văn hóa nghệ thuật không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này do Chính phủ quy định”. Trên cơ sở tiêu chuẩn khung chung, Chính phủ sẽ quy định tiêu chuẩn chi tiết phù hợp với các đối tượng cụ thể.

Về hình thức khen thưởng kháng chiến “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” (Điều 96), có ý kiến đại biểu Quốc hội đề nghị phân hạng để đảm bảo tính công bằng, không dàn đều. Có ý kiến đề nghị cân nhắc từ “liên tục”; có ý kiến đề nghị giảm tiêu chuẩn thời gian tại ngũ của Thanh niên xung phong xuống dưới 2 năm, hoặc còn 1 năm. Có ý kiến đề nghị giảm xuống dưới 2 năm đối với thanh niên xung phong là thương binh nặng. Có ý kiến đề nghị không tính thời gian tại ngũ đối với thanh niên xung phong là thương binh.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho rằng, hình thức khen thưởng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” là hình thức khen thưởng dành cho lực lượng thanh niên xung phong tham gia kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, cần được quy định tương quan với hình thức Huy chương Chiến sĩ vẻ vang để tặng cho lực lượng vũ trang nhân dân. Hơn nữa, các văn bản đề xuất của Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam gửi các cơ quan có thẩm quyền thể hiện nguyện vọng khen thưởng đồng loạt một hạng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” cho thanh niên xung phong có thời gian tại ngũ 2 năm trở lên.

Vì vậy, đề đề cao ý nghĩa của hình thức khen thưởng nhà nước, trên cơ sở kết quả nghiên cứu, rà soát các quy định khen thưởng Huân, Huy chương Chiến sĩ vẻ vang thời kỳ kháng chiến, các hình thức khen thưởng kháng chiến khác, cũng như “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” theo Luật Thi đua, khen thưởng, hình thức khen thưởng Thanh niên xung phong đã thực hiện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất với Chính phủ xin phép Quốc hội cho giữ tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 2 Điều 96 của dự thảo Luật (sau khi đã tiếp thu ý kiến đại biểu, bỏ từ “liên tục”).

Theo đó, Luật quy định: Thực hiện tặng và truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” đối với Thanh niên xung phong có thành tích trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành nhiệm vụ, trung thành với cách mạng, có thời gian tại ngũ từ 2 năm trở lên. Thanh niên xung phong hy sinh trong khi làm nhiệm vụ trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc đã được công nhận liệt sĩ được truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”.

Nguồn: ttxvn/baotintuc.vn

DỰ ÁN LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ MANG ĐẠM VAI TRÒ CHỦ ĐẠO TRUNG TÂM LÀ NHÂN DÂN

Sáng ngày 14/6, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà thay mặt Chính phủ báo cáo làm rõ thêm một số nội dung được các vị đại biểu Quốc hội quan tâm về dự án Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Qua thảo luận tỏ cho thấy, các vị đại biểu Quốc hội tán thành cao với sự cần thiết ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và cho rằng việc ban hành Luật sẽ là một bước tiến lớn quan trọng trong việc thể chế hóa chủ trương của Đảng về bảo đảm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và hiện thực hóa phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

Các vị đại biểu Quốc hội cũng bày tỏ sự đồng tình với nhiều nội dung trong báo cáo thẩm tra và dự án Luật, đồng thời tham gia nhiều ý kiến chi tiết, cụ thể vào nhiều điều khoản của dự án Luật.

Dự án Luật mang tính đặc thù cao

Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, đây là một dự án luật khó, đối tượng tác động rộng và đa dạng, nhiều chủ thể, nhưng lại là một dự án luật hết sức quan trọng, có ý nghĩa chính trị, xã hội hết sức sâu sắc. Đây cũng là một dự án luật mang tính đặc thù trong thể chế chính trị và pháp luật của Việt Nam nhằm góp phần thể chế hóa quan điểm của Đảng, cũng như tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, là mục tiêu và là động lực để phát triển xã hội.

Dự thảo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở được xây dựng trên một số những nguyên tắc. Đó là thể chế hóa cho bằng được phương châm "dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng"; đặt việc thực hiện dân chủ cơ sở trong tổng thể cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội là trung tâm để Nhân dân làm chủ; giải quyết được mối quan hệ giữa thực hành dân chủ với tăng cường pháp chế và đảm bảo kỷ cương xã hội.

Theo Bộ trưởng Bộ Nội vụ, đây là một nội hàm rất rõ xuyên suốt trong dự thảo Luật. Dân chủ phải gắn với sinh kế với dân trí, với dân sinh để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh. Đồng thời, để chúng ta xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, ở cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh và đảm bảo được sự ổn định và phát triển của doanh nghiệp.

Đây cũng là một dự án luật liên quan rất nhiều những bộ luật hiện hành. "Chúng tôi rà soát có thể nói tới 30 đến 40 dự án luật có liên quan, nhưng rõ nhất là khoảng 20 dự án luật có liên quan. Làm thế nào để chúng ta vừa đảm bảo kế thừa những văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở đã được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn, phù hợp, hiệu quả", Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà nói.

Từ năm 1998, khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW, cho đến nay đã thể chế bằng rất nhiều các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội và của Chính phủ để chúng ta

thực hiện vấn đề dân chủ. Vì vậy, làm sao vừa phát huy được những hiệu quả thực tiễn đã chứng minh là đúng, nhưng đồng thời cũng lại phải bổ sung, phát triển, hoàn thiện, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp và không xung đột với các văn bản luật hiện hành.

"Nếu như không khéo trong việc xây dựng Luật thì sẽ rất dễ dẫn đến sự chồng chéo và xung đột lẫn nhau. Cho nên, chúng tôi phải tính toán, cân nhắc để đảm bảo được tính khoa học, đại chúng, khả thi, dễ tiếp cận nhưng không trùng lặp. Từ đó để dự án Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở thực chất hơn, thực hiện trong thực tiễn khả thi hơn", Bộ trưởng Bộ Nội vụ giải thích.

Từ nguyên tắc trên phương pháp tiếp cận, cũng như cách thiết kế của dự án Luật, Bộ Nội vụ đã lấy vai trò chủ thể chủ đạo trung tâm là Nhân dân. Đồng thời, trong việc thực hành dân chủ của dự thảo Luật đi theo mạch của trình tự, phương châm: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng, để hướng tới mục tiêu, yêu cầu là dân chủ đại diện thì được phát huy, dân chủ trực tiếp thì được mở rộng và phù hợp với tính chất của từng loại hình thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và dân chủ tại cơ quan đơn vị, dân chủ tại doanh nghiệp.

Riêng về nội hàm dân thụ hưởng được thiết kế vào một khoản chung trong Điều 4 của những vấn đề chung ở Chương I, để không trùng lặp và đảm bảo được tính bao quát nhất. Đó là người dân của chúng ta khi thực hiện phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát thì được thụ hưởng. Thụ hưởng mọi lĩnh vực về chính trị, về kinh tế, về văn hóa, xã hội, về quốc phòng, an ninh, hay bao trùm nhất chính là thụ hưởng về giá trị vật chất và giá trị tinh thần.

"Chúng tôi không thiết kế phần dân thụ hưởng theo một chuỗi của từng loại hình thực hiện dân chủ ở 3 nội dung nêu trên, mà thiết kế thành một chương riêng để xác định rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở cho tổ chức, cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền và cho chức năng, nhiệm vụ. Chúng tôi thấy hôm nay đại biểu phát biểu cũng rất đồng tình với cách thiết kế này", Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết.

Dân chủ trong doanh nghiệp

Bộ trưởng Bộ Nội vụ cũng giải thích về khái niệm dân chủ trong doanh nghiệp của dự án Luật. Theo đó, đối với việc thực hiện dân chủ trong doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp ngoài Nhà nước, bao gồm cả tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn và sử dụng lao động - nội dung này đã kế thừa các quy định của Đảng, Nhà nước trước đây và không làm thay đổi bản chất quan hệ lao động, không làm ảnh hưởng và xung đột các bộ luật liên quan, không mâu thuẫn các điều ước quốc tế về lao động mà Việt Nam tham gia và bảo đảm được mối quan hệ hài hòa, hợp tác cùng phát triển.

Doanh nghiệp làm tốt biện pháp dân chủ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và là cơ chế để hỗ trợ, thúc đẩy cho doanh nghiệp phát triển.

Về vấn đề công khai và phương thức công khai được đại biểu Quốc hội quan tâm rất nhiều, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà khẳng định sẽ tiếp thu, vì đây là một vấn đề

rất quan trọng của phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng".

Thay mặt cơ quan soạn thảo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ trân trọng tiếp thu, tiếp tục hoàn thiện, bổ sung, chỉnh lý dự án Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO: ĐỀ NGHỊ ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ XÂY DỰNG NỀN NGOẠI GIAO HIỆN ĐẠI

Chiều ngày 13/6, tại trụ sở Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn đã tham dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo tại Tọa đàm 'Chương trình chuyển đổi số quốc gia và Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Ngoại giao'.

Phát biểu tại tọa đàm, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Huy Dũng trao đổi về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, quyết tâm của Chính phủ trong thúc đẩy chuyển đổi số, hướng tới xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và nhiệm vụ đặt ra cho các Bộ, ngành trung ương, trong đó có Bộ Ngoại giao.

Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng đánh giá kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Ngoại giao đã bám sát chương trình chuyển đổi số quốc gia, nhất trí với những định hướng chuyển đổi của Bộ, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm về cách tiếp cận, triển khai các dự án chuyển đổi số thành công.

Chia sẻ suy nghĩ về cách thức triển khai công tác ngoại giao trong môi trường số, Thứ trưởng bày tỏ mong muốn quá trình chuyển đổi số phải nâng cao hiệu quả công tác của người cán bộ ngoại giao, kết nối, phục vụ tốt người dân ở trong và ngoài nước.

Bộ Thông tin và Truyền thông sẵn sàng hỗ trợ Bộ Ngoại giao trong quá trình chuyển đổi số và mong muốn Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông nâng cao hình ảnh, vị thế Việt Nam trên bản đồ số thế giới.

Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Quang Hiệu khẳng định Ban Cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ rất quan tâm thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác của Bộ, cho rằng chuyển đổi số là xu thế khách quan, nếu ta không chủ động tham gia và tham gia một cách hiệu quả thì sẽ sớm bị lạc hậu trong kỷ nguyên số.

Thứ trưởng chia sẻ chuyển đổi là một việc khó, đòi hỏi quyết tâm cao do phải thay đổi nếp nghĩ, cách làm và kinh nghiệm lâu nay, đồng thời phải cân đối nguồn lực có hạn với nhiệm vụ chuyển đổi toàn diện và sâu rộng.

Trình bày về những nội dung chính trong Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Ngoại giao giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Phó Chánh Văn phòng Đỗ Hoàng Linh nhấn mạnh mục tiêu của chuyển đổi số là nhằm thay đổi một cách tổng thể, toàn diện phương thức

quản lý, điều hành, cách thức làm việc, môi trường làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả mọi mặt công tác của Bộ Ngoại giao.

Theo đó, đến 2025, Bộ trưởng, lãnh đạo Bộ theo dõi, điều hành công việc (không mật) từ xa trên điện thoại hoặc thiết bị di động thông minh; cán bộ Bộ Ngoại giao tiếp cận thông tin, dữ liệu, công cụ và nền tảng số xử lý công việc (không mật) hoàn toàn trên môi trường mạng internet; ứng dụng công nghệ số trong quản lý con người, quản lý tài sản, cơ sở vật chất, đồng bộ và kết nối tất cả dữ liệu liên quan; xây dựng và vận hành hiệu quả hệ sinh thái mạng xã hội của Bộ Ngoại giao, kết nối, tương tác, phục vụ hiệu quả người dân và triển khai ngoại giao số.

Phấn đấu đến 2030 sẽ ứng dụng rộng rãi Trí tuệ nhân tạo trong công tác của Bộ kể cả phát triển phần mềm “trợ lý ảo”.

Đại diện các đơn vị đã phát biểu ý kiến và thảo luận về việc triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong các mặt công tác của Bộ trong thời gian tới, chỉ ra những vướng mắc, khó khăn, những vấn đề cần phải tháo gỡ như nguồn kinh phí đầu tư và vận hành các dự án công nghệ thông tin, thủ tục sử dụng nguồn vốn ngân sách, vấn đề an toàn, an ninh mạng, bồi dưỡng kỹ năng số và phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin...

Phát biểu chỉ đạo tại Tọa đàm, Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn nhấn mạnh, chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng yếu, cấp bách cần tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả mọi mặt công tác của Bộ Ngoại giao, góp phần triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia và Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số, xã hội số. Chuyển đổi số thành công là cơ sở để xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại.

Bộ trưởng nhấn mạnh, nhận thức là yếu tố quyết định sự thành công của quá trình chuyển đổi. Sự chỉ đạo và chịu trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, sự tham gia của các tổ chức đảng, đoàn thể là yếu tố then chốt bảo đảm tiến độ và hiệu quả triển khai của Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Ngoại giao. Hiện, Bộ đã thành lập Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của Bộ Ngoại giao nhằm thúc đẩy mạnh mẽ công tác này trong thời gian tới.

Bộ trưởng đề nghị quá trình chuyển đổi phải bám sát Chương trình chuyển đổi số quốc gia và chiến lược xây dựng và phát triển ngành; có tầm nhìn tổng thể, dài hạn, tuân thủ các quy định của pháp luật; xác định rõ các nhiệm vụ ưu tiên và lộ trình triển khai; tận dụng tối đa, hiệu quả, sáng tạo nguồn lực sẵn có; thu hút nguồn lực bên ngoài thông qua hợp tác quốc tế và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để tạo đột phá, chuyển biến mạnh mẽ; triển khai đồng bộ ngoại giao số nhằm tạo cộng hưởng, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại.

Cùng với đó, việc chuyển đổi số cũng cần tính đến đặc thù của Bộ Ngoại giao là có các cơ quan, đơn vị ở trong nước và 94 cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các đơn vị có tiếp xúc công dân, bà con Việt kiều, người nước ngoài... như Cục Lãnh sự, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Cục Lễ tân Nhà nước... đồng thời phải bảo đảm an toàn, an ninh mạng, tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước, Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước của Bộ Ngoại giao.

Nhân dịp này, Bộ trưởng cảm ơn Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng và cá nhân Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng đã quan tâm, hỗ trợ, giúp đỡ Bộ Ngoại giao

trong quá trình thực hiện chuyển đổi số đồng thời đề nghị các đơn vị liên quan của hai Bộ trao đổi về khả năng ký kết thỏa thuận phối hợp công tác giữa hai Bộ trong thời gian tới.

Bộ trưởng cũng đề nghị Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của Bộ Ngoại giao tiếp tục tham khảo và hợp tác với các đơn vị, Bộ, ngành trung ương liên quan trong công tác xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của Bộ.

Nguồn: baoquocte.vn

BỘ CÔNG THƯƠNG: ĐI ĐẦU CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Bộ Công Thương đã quyết liệt triển khai các Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia cũng như góp phần hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp thông qua chương trình cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử.

Kết quả đáng ghi nhận

Với quan điểm đổi mới, quyết liệt hành động, liên tiếp trong các năm vừa qua, Bộ Công Thương đã có nhiều đề xuất tham mưu cho Chính phủ cũng như có văn bản chỉ đạo các đơn vị chức năng rà soát để đơn giản, cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, đẩy mạnh hiện đại hóa hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Theo đó, Bộ Công Thương đã đẩy mạnh thực hiện việc áp dụng chính phủ điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành; chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp nhằm đẩy mạnh áp dụng dịch vụ công trực tuyến. Đến thời điểm này, tất cả 297 thủ tục hành chính cấp Trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ đã được triển khai áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 trở lên; còn Cổng dịch vụ công Bộ Công Thương đang cung cấp 236 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với gần 40.000 doanh nghiệp tham gia khai báo. Tổng số hồ sơ dịch vụ công trực tuyến năm 2021 là 1.617.249 hồ sơ, tương ứng hơn 99% tổng số hồ sơ được gửi đến Bộ.

Bộ Công Thương cũng đã hoàn thành mục tiêu cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trước thời hạn đề ra (trong năm 2021). Từ ngày 01/12/2021, Bộ Công Thương triển khai việc in thẳng C/O mẫu D điện tử thành file PDF có mã phản hồi nhanh QRCode trên hệ thống eCoSys. Bộ Công Thương hiện đã kết nối 16 nhóm dịch vụ công trực tuyến với Cơ chế một cửa quốc gia. Tổng số hồ sơ thực hiện trên Cơ chế một cửa quốc gia trong năm 2021 là 282.564 hồ sơ.

Đối với thủ tục Cấp giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D, Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), kết nối thành công với Cơ chế một cửa ASEAN (ASW) và đã trao đổi Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với 9 nước bao gồm: Indonesia, Thái Lan, Singapore, Malaysia và Bruinei, Campuchia, Lào, Myanmar, Philippine. Trong năm 2021, tổng số hồ sơ điện tử đã trao đổi với các nước là 203.663 hồ sơ. Đây là chứng từ điện tử đầu tiên của Việt Nam được gửi ra nước ngoài, tạo tiền đề, đòn bẩy để Việt Nam tiếp tục trao

đổi, xử lý trực tuyến các chứng từ thương mại khác dưới dạng điện tử với các nước, khối - cộng đồng kinh tế theo các thỏa thuận và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng đã triển khai kết nối Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của Bộ với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số để đánh giá, đo lường, công bố trực tuyến mức độ, chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; từ đó, cải tiến chất lượng và hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính cấp Trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Với kết quả đạt được, Bộ Công Thương đã được Văn phòng Chính phủ ghi nhận là một trong những đơn vị đi đầu trong cả nước đối với việc kết nối Cổng dịch vụ công Quốc gia (cả về số lượng dịch vụ công trực tuyến và số lượng hồ sơ điện tử).

Cải cách vì doanh nghiệp

Cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao và cho rằng, sự quyết liệt về cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính của Bộ Công Thương đã tạo được môi trường kinh doanh lành mạnh, công bằng cho tất cả các thành phần kinh tế tại Việt Nam. Tổng thư ký Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam Tô Hoài Nam cho biết, các ý kiến phản ánh trực tiếp của doanh nghiệp, người dân thời gian qua đều bày tỏ, cải cách hành chính, của Bộ Công Thương đã mang lại những lợi ích thiết thực cho họ. Cụ thể, điều kiện kinh doanh thông thoáng hơn, thủ tục hành chính đỡ phức tạp, rườm rà; thời gian làm thủ tục nhanh hơn đã giúp doanh nghiệp tiết giảm được chi phí, thời gian; tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường toàn cầu.

Chia sẻ thêm về tinh thần cải cách vì doanh nghiệp của Bộ Công Thương, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Nguyên liệu Á Châu AIG Nguyễn Thị Lan Anh cho hay, các quyết tâm cải cách của Bộ Công Thương, nhất là việc cắt giảm nhiều giấy phép con đã tạo thuận lợi rất lớn cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, khai thác được các lợi thế thị trường từ các FTA mà Việt Nam tham gia. "Tới đây, doanh nghiệp mong Bộ Công Thương tiếp tục đến gần và hiểu hơn doanh nghiệp, hiệp hội thông qua việc thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính,, giúp gia tăng cơ hội cho doanh nghiệp phát triển nhất là khi nền kinh tế bước vào giai đoạn phục hồi"- bà Nguyễn Thị Lan Anh chia sẻ.

Bộ Công Thương cho biết sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, trong thời gian tới. Bộ cũng đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/BCSĐ ngày 27/01/2022 lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số của Bộ Công Thương giai đoạn 2022 - 2025 với mục tiêu "Đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính phủ điện tử tại Bộ Công Thương trên cơ sở cải cách hành chính,, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, thực hiện chuyển đổi số, hướng tới chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin mạng".

Từ ngày 01/01/2021 đến nay, Cổng dịch vụ công Bộ Công Thương đã trao đổi 1.164.552 bộ hồ sơ điện tử với Cổng dịch vụ công quốc gia.

Nguồn: congthuong.vn

HƠN 27.200 TỔ CÔNG NGHỆ SỐ CỘNG ĐỒNG HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN CHUYỂN ĐỔI SỐ

Theo thống kê từ Bộ Thông tin và Truyền thông, tính đến ngày 14/6, 34 trong số 63 tỉnh, thành phố trên cả nước đã thành lập hơn 27.200 tổ công nghệ số cộng đồng với trên 130.480 thành viên tham gia để hỗ trợ người dân chuyển đổi số bằng các nền tảng.

Đến thời điểm này, 10 địa phương gồm: Bắc Giang, Lạng Sơn, Lai Châu, Hậu Giang, Hải Dương, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Phòng và Thái Nguyên đã hoàn thành 100% cấp xã có tổ công nghệ số cộng đồng. Đại diện Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết, các tổ công nghệ số cộng đồng được coi là cánh tay nối dài của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và tại địa phương là cánh tay nối dài của chính quyền, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của quốc gia, của tỉnh, huyện, xã, phường, thôn, phố. Tổ công nghệ số cộng đồng hướng tới thúc đẩy chuyển đổi số, đưa người dân lên môi trường số, người dân tiên phong sử dụng nền tảng số, công nghệ số, qua đó sẽ trở thành tác nhân thúc đẩy chính quyền chuyển đổi số mạnh mẽ.

Là một trong những địa phương triển khai chương trình Tổ công nghệ số, lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông Lạng Sơn cho biết, từ ngày 12/5 đến nay, Tổ công nghệ số cộng đồng tại Lạng Sơn đã tập trung “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người” hướng dẫn, hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng nền tảng “Công dân số Xứ Lạng” và các ứng dụng thương mại số, thanh toán số. Với sự tham gia của lực lượng này, đến ngày 8/6, Lạng Sơn đã phát triển được hơn 8.140 tài khoản “Công dân số Xứ Lạng”, hơn 19.870 tài khoản thương mại số, hơn 1.370 tài khoản thanh toán điện tử, hơn 126.560 cửa hàng số. Tính đến tháng 6/2022, Lạng Sơn đã lập hơn 1.680 tổ công nghệ cộng đồng, với trên 7.770 thành viên. Tỉnh đã hoàn thành sớm chỉ tiêu 50% số hộ gia đình có cửa hàng số, tài khoản thanh toán điện tử. Đây là kết quả của việc triển khai mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng đóng góp vào chuyển đổi số địa phương, nhất là phát triển kinh tế số trên địa bàn.

Tại tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh đang triển khai thử nghiệm mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng. Đến cuối tháng 5/2022, tỉnh đã thành lập hơn 2.250 tổ công nghệ số cộng đồng, với gần 17.000 thành viên để hỗ trợ người dân trên địa bàn tham gia chuyển đổi số.

Để thúc đẩy các địa phương triển khai hiệu quả mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng, thời gian tới, Cục Tin học hóa sẽ phối hợp chặt chẽ với các địa phương, tiếp tục đôn đốc khẩn trương thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng. Đồng thời, Cục Tin học hóa đề nghị các địa phương tuyên truyền kênh Zalo đến các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tham gia kênh chuyển đổi số quốc gia; tăng cường phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ thuộc Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng và đội ngũ cán bộ Đoàn của tỉnh, thành phố. Đồng thời, Cục

Tin học hóa sẽ tiến hành xây dựng tài liệu hướng dẫn các thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng triển khai các nền tảng số quốc gia phục vụ người dân.

Nguồn: ttxvn/baotintuc.vn

LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ SAU KHI SỬA ĐỔI GÓP PHẦN THỨC ĐẨY SỰ SÁNG TẠO

Sáng ngày 16/6, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt đã có cuộc trao đổi riêng với phóng viên báo Tin tức xung quanh việc thực hiện Luật đã sửa đổi này.

Phóng viên: Thưa Bộ trưởng, những điểm sửa đổi nổi bật trong Luật Sở hữu trí tuệ lần này là gì? Tại sao lại sửa đổi như vậy?

Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt: Luật sửa đổi, bổ sung 102 Điều của Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá, Luật Hải quan, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ được thể hiện qua 7 nhóm chính sách lớn, với một số quy định cụ thể như sau:

Chính sách 1: Đảm bảo quy định rõ về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan trong các trường hợp chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan. Điểm nổi bật của Luật là quy định cho phép chuyển quyền sử dụng một số quyền nhân thân theo thỏa thuận (ví dụ thỏa thuận đặt tên tác phẩm) phù hợp với đặc thù của lĩnh vực quyền tác giả nhằm giải quyết những vướng mắc tồn tại trong thực tiễn thời gian qua như trường hợp có nhu cầu thay đổi tên tác phẩm, sửa đổi, nâng cấp chương trình máy tính...

Chính sách 2: Khuyến khích tạo ra, khai thác và phổ biến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng được tạo ra từ ngân sách Nhà nước. Luật quy định trao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí được tạo ra từ ngân sách nhà nước một cách tự động và không bồi hoàn cho tổ chức chủ trì trực tiếp tại Luật (và trở thành chủ sở hữu khi các đối tượng này được cấp văn bằng bảo hộ); đồng thời bổ sung các quy định để Nhà nước vẫn kiểm soát để đảm bảo việc khai thác có hiệu quả và đảm bảo cân bằng lợi ích giữa tổ chức chủ trì và lợi ích của nhà nước với tư cách là “chủ đầu tư” và lợi ích xã hội.

Có thể thấy các quy định liên quan đến việc xác định quyền sở hữu, quyền khai thác đối với các nghiên cứu khoa học do Nhà nước đầu tư vốn được quy định rõ ràng và chi tiết hơn, nhằm mục đích khuyến khích, biến các kết quả nghiên cứu thành các tài sản được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí), tạo tiền đề để khai thác thương mại đối với các tài sản này trên thị trường được hiệu quả hơn.

Chính sách 3: Tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện thủ tục đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan, thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp. Theo đó, dù là quyền được xác lập tự

động mà không qua đăng ký (trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan) hay phải đăng ký (lĩnh vực sở hữu công nghiệp), thì các quy định liên quan đến thủ tục, thời hạn, thành phần hồ sơ... tiếp tục được hoàn thiện theo hướng gọn nhẹ, nhanh chóng, thuận tiện, minh bạch để khuyến khích, gia tăng hoạt động đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ nhằm tạo cơ sở, bằng chứng vững chắc trong việc xác định chủ thể quyền và đối tượng được bảo hộ, làm tiền đề cho việc khai thác quyền cũng như thực thi quyền sau này.

Chính sách 4: Đảm bảo mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng trong bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Các nội dung sửa đổi liên quan đến cả 3 lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng, trong đó phải kể đến việc bổ sung một số trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, các giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa chủ thể quyền tác giả với tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng và công chúng hưởng thụ tiếp cận tác phẩm; việc bổ sung một số quy định nhằm kiểm soát sáng chế có sử dụng nguồn gen và tri thức truyền thống về nguồn gen; bổ sung một số căn cứ chấm dứt hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ; xử lý xung đột giữa nhãn hiệu với tên giống cây trồng, với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan...

Chính sách 5: Tăng cường hiệu quả hoạt động hỗ trợ về sở hữu trí tuệ. Các nội dung sửa đổi nhằm đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ cho hệ thống sở hữu trí tuệ (bao gồm hoạt động đại diện, giám định), cụ thể là sửa đổi, bổ sung một số quy định theo hướng mở hơn nhằm tạo tính cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ đại diện (phân chia đại diện theo lĩnh vực; nói lòng điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề đại diện tùy theo lĩnh vực); sửa đổi quy định về giám định theo hướng xác định rõ phạm vi giữa giám định sở hữu trí tuệ với giám định tư pháp về sở hữu trí tuệ; làm rõ ý nghĩa mang tính chứng cứ của kết luận giám định sở hữu trí tuệ.

Chính sách 6: Nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Các quy định liên quan đến bảo vệ quyền được sửa đổi nhằm bảo đảm cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được hiệu quả hơn, trong đó đáng chú ý là quy định bổ sung thẩm quyền chủ động áp dụng biện pháp kiểm soát tại biên giới nếu trong quá trình kiểm tra, giám sát và kiểm soát cơ quan hải quan phát hiện căn cứ rõ ràng để nghi ngờ hàng hóa xuất, nhập khẩu là hàng giả mạo sở hữu trí tuệ.

Chính sách 7: Bảo đảm thi hành đầy đủ và nghiêm túc các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập. Một số quy định sửa đổi, bổ sung cần quan tâm là quy định liên quan đến biện pháp công nghệ bảo vệ quyền và thông tin quản lý quyền để đảm bảo thực thi trong môi trường số; về quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trên môi trường mạng internet và mạng viễn thông; về bảo hộ nhãn hiệu âm thanh; về cơ chế bảo đảm thông tin cho chủ bằng sáng chế thực thi quyền trong thủ tục cấp phép lưu hành thị trường đối với dược phẩm; nghĩa vụ bảo hộ dữ liệu bí mật trong đơn xin cấp phép nông - hóa phẩm; cơ chế đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm;...

Phóng viên: Một trong những vấn đề lớn mà Chính phủ xin ý kiến Quốc hội là việc thu hẹp hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị xử phạt vi phạm hành chính. Xin Bộ trưởng

cho biết việc không thu hẹp hành vi bị xử phạt sẽ có những thuận lợi và khó khăn gì trong thời gian tới?

Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt: Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ hiệu quả là một trong các mục tiêu quan trọng của hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ của bất kỳ nước nào trên thế giới. Các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia gần đây như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) ngày càng có nhiều các cam kết cao hơn về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Dự thảo Luật Sở hữu trí tuệ do Chính phủ trình Quốc hội xin ý kiến có đề xuất 2 phương án, trong đó có phương án thu hẹp hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị xử phạt vi phạm hành chính. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các đại biểu Quốc hội, các cơ quan soạn thảo đã đề nghị giữ nguyên quy định hiện hành và không thu hẹp hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị xử phạt hành chính. Trong điều kiện hiện nay của Việt Nam, việc không thu hẹp hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị xử phạt hành chính sẽ không làm ảnh hưởng đáng kể đến thực tiễn bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các chủ thể có quyền sở hữu trí tuệ cũng như không gây xáo trộn hoặc thay đổi hệ thống bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ do hiện nay phần lớn các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được xử lý bằng biện pháp hành chính.

Phóng viên: Với những điều trong Luật được thông qua, ở trách nhiệm của mình, Bộ trưởng có kế hoạch thực hiện ra sao và sẽ có hướng dẫn cụ thể gì trong thời gian tới để Luật được áp dụng một cách hiệu quả nhất?

Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt: Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ được Quốc hội thông qua, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai một số hoạt động để phổ biến, hướng dẫn thi hành Luật, cụ thể là:

Tuyên truyền, phổ biến về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các hội thảo, tọa đàm đến các nhóm chủ thể liên quan như cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương, các viện nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội, doanh nghiệp...

Thực hiện các thủ tục để xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật theo kế hoạch mà trước mắt là việc sửa đổi một số Nghị định của Chính phủ như Nghị định số 103/2006/NĐ-CP về sở hữu công nghiệp, Nghị định số 105/2006/NĐ-CP về quản lý nhà nước và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ...

Bộ Khoa học và Công nghệ kỳ vọng rằng Luật Sở hữu trí tuệ sau khi được sửa đổi, bổ sung sẽ mang lại những thay đổi tích cực hơn nữa, góp phần tạo động lực mạnh mẽ để thúc đẩy các tổ chức, cá nhân sáng tạo, đầu tư nghiên cứu, phát triển, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thương mại hóa các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, qua đó thu hút thêm nhiều nguồn vốn đầu tư cho hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp nói riêng và cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung.

Phóng viên: Trân trọng cảm ơn Bộ trưởng!

Nguồn: ttxvn/baotintuc.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Tài chính đang xây dựng dự thảo Luật Giá (sửa đổi). Trong đó, đề xuất danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá sẽ được giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết trên cơ sở các nguyên tắc chặt chẽ được quy định tại Luật. Đồng thời, tăng cường phân công, phân cấp, rõ trách nhiệm trong việc triển khai bình ổn giá trên phạm vi cả nước và trên địa bàn.**

Bộ Tài chính cho biết, bình ổn giá được xác định là một biện pháp nhằm ứng phó với những biến động bất thường của giá cả trong những bối cảnh kinh tế xã hội nhất định. Theo đó, bám sát nội dung chính sách đã xây dựng, tại dự án Luật Giá (sửa đổi) đã quy định chi tiết hơn các nguyên tắc bình ổn giá tại Điều 16 và cụ thể hóa các trường hợp áp dụng bình ổn giá bao gồm "trường hợp giá của hàng hóa, dịch vụ tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian ảnh hưởng đến kinh tế xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường hoặc trong trường hợp dịch bệnh, thiên tai hoặc khi tuyên bố tình trạng khẩn cấp theo quy định tại Luật tình trạng khẩn cấp".

Trên cơ sở đó, để khắc phục hạn chế hiện nay, tại dự thảo Luật quy định nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và giao Chính phủ quy định chi tiết (Điều 16) để bảo đảm tính linh hoạt trong thực hiện. Cơ bản Danh mục các hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá chi tiết sẽ được rà soát trên 11 nhóm hàng hóa, dịch vụ hiện nay để kế thừa, điều chỉnh phù hợp.

Tại dự thảo Luật cũng quy định cơ chế để xử lý tình huống trong các trường hợp khẩn cấp do thiên tai, dịch bệnh hoặc các trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp, cho phép Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục để áp dụng trong thời hạn nhất định trên cơ sở đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Khoản 2 Điều 16).

Các biện pháp bình ổn giá cơ bản được kế thừa như Luật hiện hành, tuy nhiên có điều chỉnh theo nội dung chính sách bao gồm:

Bỏ các quy định về lập và sử dụng quỹ bình ổn giá; hiện nay chỉ tồn tại quỹ bình ổn giá xăng dầu, tuy nhiên gắn với quy định về đưa mặt hàng này vào diện quản lý theo giá tham chiếu thì đã có thể xem xét bỏ quỹ bình ổn giá để giá xăng dầu được vận động hoàn toàn theo cơ chế thị trường và tôn trọng các nguyên tắc thị trường.

Điều chỉnh biện pháp đăng ký giá gộp vào nội hàm biện pháp kê khai giá; theo đó biện pháp kê khai giá sẽ là biện pháp được thực hiện thường xuyên nhằm tạo kênh thông tin nắm bắt kịp thời các diễn biến về giá để đề xuất chủ trương bình ổn giá trong trường hợp cần thiết.

Điều chỉnh biện pháp kiểm tra yếu tố hình thành giá trở thành một bước trong việc tổ chức thực hiện bình ổn giá nhằm giúp cơ quan quản lý xác định rõ nguyên nhân gây biến động về giá, làm cơ sở cho việc lựa chọn các biện pháp bình ổn giá phù hợp với thực tế.

Cụ thể hóa rõ hơn biện pháp "áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế". Theo đó, trong trường hợp áp dụng biện pháp định giá hàng hóa, dịch vụ để bình ổn giá thì trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giá thấp hơn phương án giá đã được rà soát, đánh giá theo quy định thì xem xét, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật ngân sách hoặc có cơ chế hỗ trợ hợp lý, phù hợp với thẩm quyền (điểm d Khoản 1 Điều 19).

Khi hàng hóa, dịch vụ có biến động tăng quá cao hoặc giảm quá thấp gây ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường hoặc trong các trường hợp khẩn cấp, các cơ quan sẽ triển khai bình ổn giá theo các bước: Bước 1, kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hoá tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có để xác định nguyên nhân làm cơ sở cho việc lựa chọn biện pháp bình ổn giá phù hợp; bước 2, lựa chọn, quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá theo quy định; bước 3, tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện biện pháp bình ổn giá.

Theo đó, tại dự thảo Luật đã quy định và phân định rõ về thẩm quyền quyết định chủ trương bình ổn giá của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thẩm quyền đề xuất chủ trương bình ổn giá của Bộ Tài chính, Sở Tài chính; thẩm quyền trong việc thực hiện kiểm tra, đề xuất biện pháp bình ổn giá và tổ chức thực hiện của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các Sở quản lý ngành, lĩnh vực. Các quy định này đã tạo sự rành mạch trong trách nhiệm của các cấp khi tổ chức thực hiện bình ổn giá, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả biện pháp bình ổn giá như mục đích, nội dung chính sách đã đề ra.

*** Bộ Tài chính đang xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2023 - 2025.**

Theo dự thảo, căn cứ, yêu cầu lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2023 - 2025: Thực hiện quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, các Luật về thuế, quản lý thuế, Luật phí, lệ phí, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật quản lý tài sản công, các văn bản pháp luật có liên quan; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; căn cứ các thỏa thuận, hiệp định vay nợ, viện trợ nguồn vốn ngoài nước đã và sẽ được ký kết, triển khai trong các năm 2023 - 2025; quy định về thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước; căn cứ các trần chi tiêu giai đoạn 2023 - 2025 do cơ quan tài chính, kế hoạch và đầu tư thông báo và dự toán ngân sách năm 2023...

Dự toán chi năm 2023 - 2025 xây dựng với mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền về phương án thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, Bộ Tài chính sẽ thông báo, hướng dẫn sau.

Việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Đối với lập kế hoạch thu ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025, dự thảo nêu rõ: Kế hoạch thu ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025 được lập căn cứ khả năng phát triển kinh tế cả nước, từng ngành nghề, lĩnh vực và địa phương trong 2022 - 2024 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 và nội dung, nhiệm vụ triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ; các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ, phát triển sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế...

Giai đoạn 2023 - 2025, phấn đấu tốc độ tăng thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước bình quân chung cả nước khoảng 8 - 9%/năm; tốc độ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu khoảng 5%/năm. Mức tăng thu cụ thể của từng địa phương có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức bình quân chung, tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương.

Dự toán các khoản thu phí, lệ phí các năm 2023 - 2025 tích cực, chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số nộp ngân sách nhà nước) và chi tổng hợp vào dự toán thu ngân sách nhà nước phân phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước.

Đối với các khoản thu được để lại, học phí, giá dịch vụ y tế, thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ: thực hiện lập kế hoạch thu riêng theo quy định và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định; gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

Trong quá trình xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023, các Bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của bộ, cơ quan, đơn vị mình năm dự toán 2023 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi đầu tư phát triển, nhu cầu chi bảo dưỡng, vận hành trong kế hoạch chi năm 2023 - 2025.

Đối với các Bộ, quản lý ngành, lĩnh vực đồng thời với việc lập kế hoạch thu, chi ngân sách nhà nước từng năm của giai đoạn 2023 - 2025 (phần bộ trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2023 - 2025 trên phạm vi cả nước, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

Việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn phải chú ý một số nội dung sau:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn địa phương năm 2023 - 2025, gửi Sở Tài chính để làm căn cứ lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025.

Trên cơ sở dự kiến nguồn thu trên địa bàn, nguồn thu của địa phương theo chế độ phân cấp được cấp có thẩm quyền quyết định, dự kiến số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương do cơ quan có thẩm quyền thông báo trong 03 năm 2023 - 2025; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan khác ở địa phương lập kế hoạch chi ngân sách địa phương năm 2023 - 2025, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành và cam kết chi (bao gồm cả chính sách đặc thù do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định); xác định nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương đối với các chế độ, chính sách của Trung ương cho từng năm của giai đoạn 2023 - 2025; đối với các nhiệm vụ chi mới của địa phương trong từng năm của giai đoạn 2023 - 2025, bố trí theo thứ tự ưu tiên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội trọng tâm của địa phương, trong phạm vi khả năng nguồn lực từng năm 2023 - 2025.

*** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.**

Theo dự thảo, mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, gồm: 1. Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động (hạng II), mã số: V.09.03.01. 2. Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III), mã số: V.09.03.02. 3. Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV), mã số: V.09.03.03.

Về cách xếp lương, dự thảo nêu rõ, các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được áp dụng bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, như sau: Chức danh nghề nghiệp Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động (hạng II) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2 nhóm 1 (từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78); Chức danh nghề nghiệp Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 (từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98); Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại B (từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06).

Bên cạnh đó, dự thảo cũng nêu rõ cách xếp lương khi hết thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp: a) Trường hợp có trình độ tiến sĩ thì được xếp bậc 3, hệ số lương 3,00 của chức danh nghề nghiệp Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III), mã số: V.09.03.02; b) Trường hợp có trình độ thạc sĩ thì được xếp bậc 2, hệ số lương 2,67 của chức danh nghề nghiệp Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (hạng III), mã số: V.09.03.02; c) Trường hợp có trình độ cao đẳng thì được xếp bậc 2, hệ số lương 2,06 của

chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (hạng IV), mã số: V.09.03.03.

*** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi). Theo đó, dự thảo Luật đề xuất 2 phương án bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.**

Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi) đề xuất 2 phương án bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu gồm:

Phương án 1: Nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây: Chủ đầu tư, bên mời thầu; các nhà thầu tư vấn lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển; lập, thẩm định nhiệm vụ khảo sát, thiết kế; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả sơ tuyển gói thầu đó.

Nhà thầu tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây: Chủ đầu tư, bên mời thầu; các nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; lập, thẩm định nhiệm vụ khảo sát, thiết kế; lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu đó; các nhà thầu khác cùng tham dự thầu trong một gói thầu đối với đấu thầu hạn chế.

Nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu thực hiện hợp đồng, nhà thầu tư vấn kiểm định gói thầu đó.

Nhà đầu tư tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây: Nhà thầu tư vấn lập danh mục dự án đầu tư; yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm; hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu đối với dự án đầu tư cho đến ngày ký kết hợp đồng dự án; nhà thầu tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư cho đến ngày ký kết hợp đồng dự án; cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu.

Phương án 2: Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, phi tư vấn không đảm bảo cạnh tranh khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Nhà thầu, công ty con hay chi nhánh, đơn vị phụ thuộc của nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, dự toán; lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, kiểm định hàng hóa, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, giám sát thực hiện hợp đồng, tư vấn kiểm định gói thầu và các dịch vụ tư vấn tương tự ảnh hưởng trực tiếp đến việc lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, phi tư vấn, hỗn hợp; b) Các dịch vụ tư vấn nêu tại điểm a được thực hiện bởi bất kỳ bên nào trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý nhà thầu, chịu sự quản lý của nhà thầu, hoặc cùng nhà thầu chịu sự quản lý của một bên thứ ba.

Nhà thầu tham dự thầu gói thầu tư vấn không đảm bảo cạnh tranh khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Nhà thầu, công ty con hay chi nhánh, đơn vị phụ thuộc của nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, nhiệm vụ tư vấn; đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, giám sát thực hiện hợp đồng tư vấn và tham gia các dịch vụ tư vấn tương tự ảnh hưởng trực tiếp đến việc lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn; b) Các dịch vụ tư vấn nêu tại điểm a được thực hiện bởi bất kỳ bên nào trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý nhà thầu, chịu sự quản lý của nhà thầu, hoặc cùng nhà thầu chịu sự quản lý của một bên thứ ba.

Nhà thầu tham dự thầu gói thầu hỗn hợp không đảm bảo cạnh tranh khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Nhà thầu, công ty con hay chi nhánh, đơn vị phụ thuộc của nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công cho gói thầu đó, trừ trường hợp các nội dung công việc này là một phần của gói thầu hỗn hợp; b) Các dịch vụ tư vấn nêu tại điểm a được thực hiện bởi bất kỳ bên nào trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý nhà thầu, chịu sự quản lý của nhà thầu, hoặc cùng nhà thầu chịu sự quản lý của một bên thứ ba.

Nhà đầu tư tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây: a) Nhà thầu tư vấn lập danh mục dự án đầu tư; yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm; hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu đối với dự án đầu tư cho đến ngày ký kết hợp đồng dự án; b) Nhà thầu tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư cho đến ngày ký kết hợp đồng dự án; c) Cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: CỤC THUẾ TIẾP TỤC TẠO THUẬN LỢI CHO DOANH NGHIỆP

Cục Thuế TP. Hà Nội tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế, giải quyết thủ tục hành chính thuế, từ đó tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước. Đồng thời, ngành Thuế Thủ đô cũng thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh vượt qua khó khăn sau đại dịch COVID-19.

Hơn 99% doanh nghiệp kê khai, nộp thuế điện tử

Thời gian qua, đặc biệt là từ năm 2021, Cục Thuế TP. Hà Nội đã đẩy nhanh tiến độ triển khai và mở rộng các biện pháp hỗ trợ người nộp thuế khai thuế, nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử... Đến nay, 99,5% doanh nghiệp đang hoạt động đã khai thuế qua mạng; trên 99,1% doanh nghiệp thực hiện nộp thuế điện tử; 100% hồ sơ hoàn thuế điện tử được xử lý đúng hạn.

Đáng chú ý, từ ngày 31/12/2021, Cục Thuế TP. Hà Nội đưa ứng dụng thuế điện tử được cài đặt trên thiết bị di động thông minh (eTax Mobile) vào hoạt động. Đây là ứng dụng cho phép cá nhân, cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh có thể tra cứu tờ khai đăng ký thuế mọi lúc, mọi nơi. Đến ngày 23/5/2022 đã có 12.383 lượt người nộp thuế truy cập ứng dụng này với 4.170 giao dịch...

Phó Cục trưởng Cục Thuế TP. Hà Nội Nguyễn Tiến Trường cho biết, Cục Thuế đã triển khai thành công hóa đơn điện tử trên địa bàn thành phố. Tại thời điểm ngày 15/12/2021, toàn bộ doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn thành phố đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thành công, sớm 15 ngày so với chỉ tiêu. Đặc biệt, ngành Thuế đã triển khai 182/304 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Trong đó, tích hợp được 150 thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt 161% kế hoạch.

Chuyên gia kinh tế - tài chính Đinh Trọng Thịnh (Học viện Tài chính) đánh giá, việc Cục Thuế TP. Hà Nội quan tâm đẩy mạnh cải cách hành chính thuế, hiện đại hóa công tác quản lý thu thuế đã giúp người nộp thuế giảm chi phí và thời gian tuân thủ pháp luật thuế. Còn bà Nguyễn Thị Dung, kế toán Công ty cổ phần Thiết bị kỹ thuật và công nghệ AVCO (quận Hoàng Mai) cho biết: “Cải cách thủ tục hành chính của ngành Thuế Thủ đô đã tạo thuận lợi rất nhiều cho doanh nghiệp, nhiều thủ tục được thực hiện nhanh gọn, thuận tiện, giúp giảm thời gian và chi phí”.

Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp

Cùng với việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, Cục Thuế TP. Hà Nội cũng chú trọng công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế. Phó Cục trưởng Cục Thuế TP. Hà Nội Nguyễn Tiến Trường chia sẻ, năm 2021, Cục Thuế đã tổ chức thành công 2 chương trình hỗ trợ trực tuyến giải đáp vướng mắc về thuế và thủ tục hành chính thuế trên website vào tháng 7

và tháng 11. Tháng 3/2022, Cục Thuế tiếp tục tổ chức thành công chương trình hướng dẫn, đồng hành với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế năm 2021. Số vướng mắc được giải đáp thông qua chương trình hỗ trợ trực tuyến cao gấp 5 lần so với hội nghị hỗ trợ thông thường.

Cùng với đó, Cục Thuế TP. Hà Nội chủ động hỗ trợ kịp thời người nộp thuế trong việc thụ hưởng các chính sách miễn, giảm thuế, tạo nguồn lực tập trung khôi phục sản xuất, kinh doanh. Tính riêng năm 2021, tổng số tiền thực hiện các chính sách hỗ trợ tới người nộp thuế là 27.537 tỷ đồng. Trong đó, gia hạn 22.070 tỷ đồng tiền thuế, tiền thuê đất; giảm 809 tỷ đồng tiền thuê đất; giảm 1.800 tỷ đồng lệ phí trước bạ...

Với những nỗ lực trong cải cách hành chính cùng những giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người nộp thuế vượt qua khó khăn để thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tổng thu ngân sách năm 2021 trên địa bàn thành phố do Cục Thuế TP. Hà Nội thực hiện là 241.401 tỷ đồng, đạt 111,3% dự toán pháp lệnh; 5 tháng đầu năm 2022 là 152.114 tỷ đồng, đạt 54% dự toán pháp lệnh, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2021.

Thời gian tới, Cục Thuế TP. Hà Nội sẽ tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là những thủ tục liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp. Nội dung là tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, tối ưu hóa quy trình, số hóa kết quả giải quyết trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế "một cửa", "một cửa" liên thông. Đồng thời, bảo đảm các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, trong đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân và doanh nghiệp có thể tiếp cận dịch vụ mọi lúc, mọi nơi. Đặc biệt, Cục Thuế TP. Hà Nội bảo đảm triển khai có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; tập trung nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến cải cách thủ tục hành chính, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của người nộp thuế và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

*** Gắn trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh**

Tạo sự chuyển biến về nhận thức trong đội ngũ lãnh đạo từ thành phố đến cơ sở về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); gắn trách nhiệm tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các sở, ngành thành phố với kết quả các chỉ số nội dung thuộc Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2022... là những yêu cầu trong Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 13/6/2022 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội về cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của thành phố Hà Nội năm 2022.

Kế hoạch nêu rõ, quán triệt về nhận thức trong các cấp lãnh đạo từ thành phố đến cơ sở về ý nghĩa, bản chất của Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, những lợi ích của chỉ số này mang lại đối với công tác điều hành của chính quyền các cấp. Trên cơ sở phân tích

kết quả về điểm số các chỉ số nội dung và nội dung thành phần, các cơ quan, đơn vị xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu, những hạn chế, tồn tại trên từng lĩnh vực, từng thước đo cụ thể. Từ đó đề ra giải pháp hữu hiệu, đột phá nhằm tiếp tục cải thiện và đổi mới phương thức phục vụ nhân dân trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

Các sở, cơ quan tương đương sở được thành phố giao trách nhiệm chủ trì tham mưu đối với các chỉ số nội dung, nội dung thành phần giảm điểm so với năm 2020, hoặc trong nhóm thấp nhất cả nước (nhóm 4) xây dựng báo cáo phân tích chi tiết, chỉ rõ yếu tố là nguyên nhân gây giảm điểm hoặc điểm số thấp và bổ sung vào nhiệm vụ năm 2022 giải pháp khắc phục, có định lượng cụ thể.

Liên quan đến nhiệm vụ trên, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tăng cường tuyên truyền tới người dân, từng khu dân cư, tổ dân phố về kết quả phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và địa phương; phổ biến các chính sách của Nhà nước, quy định của thành phố, địa phương, những nội dung liên quan quyền lợi, nghĩa vụ trực tiếp tới người dân, cung cấp thông tin về hoạt động của bộ máy chính quyền, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, bộ phận chuyên môn, các vị trí lãnh đạo, quản lý của địa phương.

Thực hiện đầy đủ, trách nhiệm các quy định về công khai minh bạch; trách nhiệm giải trình đối với người dân; thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, trọng tâm là giải quyết thủ tục hành chính tại xã, phường, thị trấn...

Trước đó, ngày 10/5/2022, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) công bố Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2021. Kết quả, TP. Hà Nội đạt điểm số 44,45 điểm, đứng thứ 9/63 tỉnh, thành phố, tăng 39 bậc so với năm 2020.

Nguồn: hanoimoi.com.vn

HẢI PHÒNG: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỂ PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG

Vừa qua, Trường Chính trị Tô Hiệu tổ chức Hội thảo 'Đẩy mạnh chuyển đổi số để tạo bước phát triển nhanh, bền vững TP. Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030'.

Đây là bước khởi động cho chuỗi các hoạt động nghiên cứu khoa học về chuyển đổi số nhằm ứng dụng thực chất, rõ nét và hiệu quả nhất trong quá trình thực hiện chuyển đổi số tại TP. Hải Phòng.

Phát biểu khai mạc tại Hội thảo, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng Hoàng Minh Cường khẳng định: Chuyển đổi số chính là động lực quan trọng cho phát triển kinh tế xã hội là thời cơ để thành phố bứt phá mạnh mẽ. Trong giai đoạn hiện nay chuyển đổi số thực sự cấp thiết mang lại nhiều lợi ích cho chính quyền, doanh nghiệp và cuộc sống.

Đón đầu xu hướng chuyển đổi số, Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 đặt mục tiêu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 kinh tế số chiếm 35% GRDP thành phố; năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 16%; tạo

ra các giá trị tăng trưởng mới từ kinh tế số với ba trụ cột kinh tế, gồm: Công nghiệp công nghệ cao, cảng biển logistics và du lịch - thương mại. Vừa qua, TP. Hải Phòng đã triển khai hàng loạt các hoạt động truyền thông, hội thảo, hội nghị, chương trình xúc tiến giới thiệu, liên kết trên nhiều lĩnh vực để thúc đẩy chuyển đổi số mạnh mẽ trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Tuy nhiên, với các hạ tầng như hiện tại, 76% số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố còn đứng ngoài cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chỉ có khoảng 19% số doanh nghiệp mới tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tỷ lệ hồ sơ thực hiện theo hình thức trực tuyến của thành phố còn ở mức thấp; tỷ lệ hồ sơ quá hạn phát sinh nhiều ở một số lĩnh vực, đơn vị của TP. Hải Phòng...

Công tác chuyển đổi số tại TP. Hải Phòng hiện vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức như: Hạ tầng số còn chưa đạt yêu cầu, dữ liệu số còn ít, dịch vụ công trực tuyến chưa được người dân sử dụng nhiều, thương mại điện tử còn chưa phổ biến... Xếp hạng chuyển đổi số của TP. Hải Phòng đang ở thứ hạng 21, chưa tương xứng với các thứ hạng kinh tế xã hội và cải cách... Do đó, trên cơ sở các khuyến nghị của hội thảo, TP. Hải Phòng sẽ rà soát các nhiệm vụ và có giải pháp phù hợp để thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong thời gian tới.

Tại Hội thảo, các đại biểu tập trung trao đổi, thảo luận các vấn đề về tổng quan chuyển đổi số với TP. Hải Phòng; các chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp từ thực trạng thành phố; đánh giá mức độ chuyển đổi số của thành phố và một số ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực an sinh xã hội và quản trị thực thi đối với TP. Hải Phòng...

Nguồn: baoxaydung.com.vn

CẦN THƠ: SẼ THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH PHÂN CẤP CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ VÀ QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ Ở MỘT SỐ QUẬN

Sáng ngày 14/6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ Trần Việt Trường chủ trì cuộc họp với các sở, ngành và địa phương trao đổi một số nội dung liên quan đến xây dựng Đề án thí điểm xây dựng, tổ chức mô hình phân cấp chính quyền đô thị và mô hình quản trị đô thị ở một số quận của TP. Cần Thơ trong giai đoạn 2021 - 2025.

TP. Cần Thơ đã và đang triển khai các nội dung trọng tâm để xây dựng và phát triển thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP. Cần Thơ; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị; Chương trình số 26-CTr/TU ngày 31/12/2021 của Thành ủy Cần Thơ về cải cách hành chính, trọng tâm là xây dựng chính quyền điện tử hành

động, phục vụ, gắn với việc xây dựng đô thị thông minh, hiện đại. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 98/NQ-CP của Chính phủ cũng đã giao cho TP. Cần Thơ phối hợp các Bộ, ngành và cơ quan có liên quan tổ chức nghiên cứu, xây dựng Đề án thí điểm xây dựng, tổ chức mô hình phân cấp chính quyền đô thị và mô hình quản trị đô thị ở một số quận của TP. Cần Thơ trong giai đoạn 2021 - 2025.

Tại cuộc họp, các sở, ngành và địa phương có những góp ý thiết thực cho việc xây dựng Đề án này. Theo đó, qua kinh nghiệm của TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng đã làm, TP. Cần Thơ cần bắt tay xây dựng đề án phù hợp với tình hình đặc thù của thành phố; bám sát mục tiêu Cần Thơ hướng đến xây dựng đô thị thông minh, đô thị xanh và mang bản sắc thành phố sông nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long; kết nối đô thị các quận với đô thị trung tâm các huyện, đô thị vệ tinh xung quanh; xây dựng chính quyền đô thị và quản trị đô thị chủ yếu là nâng cao chất lượng đô thị và phục vụ tốt người dân thành phố. Ngoài ra, tính đến phân cấp về một số lĩnh vực, ngân sách đầu tư cho các quận.

Phát biểu chỉ đạo tại cuộc họp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ Trần Việt Trường nhấn mạnh: Đề công tác triển khai xây dựng Đề án trong thời gian tới đạt được hiệu quả cao, giao Sở Nội vụ khẩn trương phối hợp các cơ quan hoàn thiện nội dung và tham mưu, trình Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ ban hành Kế hoạch làm cơ sở cho việc triển khai các nội dung xây dựng Đề án; chủ trì để phối hợp Viện Khoa học tổ chức nhà nước (Bộ Nội vụ) sớm triển khai thực hiện các thủ tục, ký kết hợp đồng mời đơn vị tư vấn khoa học xây dựng Đề án cho thành phố. Sở Tài chính chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ trong việc cân đối và bố trí nguồn kinh phí đảm bảo cho việc triển khai xây dựng Đề án. Các sở, ngành thành phố và các quận Ninh Kiều và Cái Răng chủ động phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan để triển khai công tác rà soát, đánh giá thực trạng tổ chức, hoạt động quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực, địa phương và các nội dung có liên quan nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu, xây dựng Đề án. Trong quá trình nghiên cứu, xây dựng Đề án, các cơ quan được giao chủ trì tham mưu triển khai thực hiện, căn cứ tình hình thực tiễn để xem xét, trình Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ quyết định thành lập và tổ chức đoàn công tác của thành phố đi học tập kinh nghiệm ở một số địa phương đã triển khai thực hiện các đề án có hiệu quả, để phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu, xây dựng Đề án của thành phố.

Nguồn: baocantho.com.vn

QUẢNG NINH: THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Với mục tiêu chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính theo lộ trình chuyển đổi số toàn diện tại Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến năm 2025, định hướng 2030, TX. Đông Triều đang triển khai các giải pháp hiệu quả, nhằm

nâng cao chất lượng, đảm bảo công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính.

Xác định việc chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, thời gian qua TX. Đông Triều đã đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số được chú trọng theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm của chuyển đổi số, lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân làm thước đo, hướng đến tiến trình chuyển đổi số toàn diện.

Trung tâm Hành chính công TX. Đông Triều là đơn vị đầu mối tiếp nhận, giải quyết tất cả thủ tục hành chính trên địa bàn của thị xã, chính vì vậy trung tâm được trang bị cơ sở vật chất đồng bộ và các thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính cho công dân như: Máy tính, mạng LAN, thiết bị scan... cho các cán bộ và công dân đến đây làm việc.

Nhằm nâng cao sự phục vụ của cán bộ, công chức làm việc tại trung tâm, đồng thời lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp là thước đo sự thành công của cải cách thủ tục hành chính, Trung tâm Hành chính công thị xã đã ứng dụng phần mềm đánh giá công chức, viên chức bằng hệ thống Ipad. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đã đánh giá khách quan sự phục vụ của cán bộ tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

Đặc biệt, TX. Đông Triều xác định muốn chuyển đổi số thành công trong lĩnh vực thủ tục hành chính, khâu đầu tiên phải đào tạo công dân điện tử, để thực hiện mục tiêu này thời gian qua thị xã đã đẩy mạnh tiếp tục hướng dẫn cho người dân trên địa bàn về các thao tác nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ công quốc gia. Qua đó, những năm gần đây TX. Đông Triều được đánh giá là một trong những địa phương có lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 nhiều nhất trong toàn tỉnh.

5 tháng đầu năm 2022, kết quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng đối với các thủ tục thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân TX. Đông Triều là gần 14.290 hồ sơ, đạt 79,93%, tăng 17,63% so với cùng kỳ năm 2021. Đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã là hơn 10.070 hồ sơ, đạt 92,87%, tăng 26,7% so với cùng kỳ. Đây là con số khá cao, phản ánh hiệu quả nền hành chính ngày càng tiên tiến của địa phương, tạo thuận lợi phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Nhằm từng bước tạo thói quen không dùng tiền mặt, tại Trung tâm Hành chính công TX. Đông Triều đã thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính qua quét mã QR, quét thẻ và thanh toán qua Internet Banking. Đây là bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp đánh giá cao.

Giám đốc Trung tâm Hành chính công TX. Đông Triều Trần Văn Tuấn cho biết: Xác định chuyển đổi số sẽ mang lại nhiều tiện ích cho việc giải quyết thủ tục hành chính, vì vậy trong thời gian tới, Trung tâm Hành chính công TX. Đông Triều sẽ đẩy mạnh thực hiện chính quyền số và công dân số; trong đó, tập trung rà soát bảo đảm trang thiết bị để triển khai số hóa hoàn toàn đầu vào của hồ sơ; tăng cường tập huấn hướng dẫn cho tổ chức, công dân khai thác các hệ thống và các dịch vụ của chính quyền cung cấp và tăng cường giao dịch không tiền mặt.

Những hiệu quả đem lại trong việc ứng dụng công nghệ thông tin tiến tới số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính đã góp phần đưa TX. Đông Triều 2 năm liên tiếp (2020 - 2021) đứng đầu chỉ số cải cách hành chính. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng để TX. Đông Triều tiếp tục triển khai các giải pháp xây dựng đô thị thông minh, thúc đẩy hành trình chuyển đổi số toàn diện về đích sớm và hơn hết là điều kiện thuận lợi để xây dựng TX. Đông Triều trở thành thành phố trong năm 2022.

Nguồn: baoquangninh.com.vn

HUNG YÊN: MUỐN CHUYỂN ĐỔI SỐ MANG LỢI ÍCH CHO CHÍNH QUYỀN, NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Ngày 14/06, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và Tập đoàn FPT đã ký kết thỏa thuận hợp tác triển khai chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2026. Hai bên mong muốn phát huy tối đa thế mạnh của tỉnh và Tập đoàn FPT, huy động nguồn lực tổng hợp nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời góp phần mang lại lợi ích chung cho chính quyền, người dân và doanh nghiệp.

Cũng theo thỏa thuận, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Tập đoàn FPT triển khai, chuyển giao các tiến bộ khoa học, công nghệ về chính quyền số, đô thị thông minh, hỗ trợ tỉnh thực hiện chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2026.

Để hiện thực hóa các mục tiêu của thỏa thuận hợp tác, hai bên cùng phối hợp thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu như: triển khai đề án chuyển đổi số của tỉnh; hợp tác phát triển nguồn nhân lực số; nghiên cứu đầu tư xây dựng tổ hợp giáo dục chất lượng cao từ tiểu học đến cao đẳng; tư vấn chuyển đổi số và triển khai các ứng dụng chuyển đổi số cho doanh nghiệp trên địa bàn.

Phát biểu tại sự kiện, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên Nguyễn Duy Hưng mong muốn sau lễ ký kết hai bên sẽ cụ thể hóa các nội dung hợp tác dựa trên thế mạnh của từng bên và gắn với đặc thù của từng ngành, từng lĩnh vực của tỉnh đáp ứng đúng xu hướng chuyển đổi số của quốc gia. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cũng mong muốn Tập đoàn FPT hỗ trợ địa phương trong phát triển kinh tế số.

Chia sẻ tại sự kiện, Tổng Giám đốc Tập đoàn FPT Nguyễn Văn Khoa cho hay, với kinh nghiệm 34 năm triển khai các hạ tầng công nghệ thông tin quan trọng của quốc gia, các ngành, lĩnh vực, Tập đoàn FPT cam kết đồng hành lâu dài trong việc tư vấn, triển khai chiến lược chuyển đổi số giúp tỉnh thúc đẩy phát triển toàn diện trên cả ba trụ cột kinh tế số, xã hội số, Chính phủ số. Ông Khoa nhấn mạnh, dựa trên các giải pháp công nghệ, Tập đoàn FPT sẽ giúp người dân, doanh nghiệp tiếp cận với các công nghệ mới. Đặc biệt, Tập đoàn FPT mong muốn đầu tư phát triển hệ thống giáo dục, giúp người dân tiếp cận những chương trình giáo dục chất lượng cao phù hợp với điều kiện kinh tế.

Tập đoàn FPT cũng cam kết đảm bảo nguồn lực cao nhất, đội ngũ chuyên gia có kiến thức, kinh nghiệm tốt nhất và các nền tảng, giải pháp công nghệ tiên tiến giúp tỉnh Hưng Yên

phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là kinh tế số. Tập đoàn sẽ chú trọng vào các lĩnh vực có tính khả thi cao, theo đúng chủ trương và mong muốn của tỉnh để sớm có những đóng góp thiết thực nhất cho phát triển kinh tế - xã hội của Hưng Yên.

Hiện, Tập đoàn FPT đã xúc tiến trao đổi cấp cao với lãnh đạo hơn 40 địa phương, ký kết thỏa thuận hợp tác chuyển đổi số với 19 địa phương, đào tạo nhận thức chuyển đổi số cho gần hàng vạn cán bộ lãnh đạo các cấp của địa phương. Dựa trên thế mạnh công nghệ, kinh nghiệm chuyển đổi số của Tập đoàn và đặc thù kinh tế xã hội, lợi thế cạnh tranh của từng tỉnh, thành, Tập đoàn FPT sẽ hỗ trợ các tỉnh, thành phát triển kinh tế - xã hội toàn diện trên cả ba trụ cột kinh tế số, Chính phủ số, xã hội số hướng đến mô hình quốc gia số, thích ứng linh hoạt với trạng thái bình thường mới thông qua việc tư vấn lập quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, chiến lược chuyển đổi số, đào tạo thay đổi nhận thức chuyển đổi số trên quy mô lớn...

Tháng 3/2021, tỉnh Hưng Yên đã khai trương hệ thống trung tâm điều hành thông minh (IOC). Trung tâm IOC mở ra mô hình hoạt động điều hành, đẩy mạnh đô thị thông minh trong tương lai. Trung tâm IOC thành phố Hưng Yên trang bị máy móc, công nghệ hiện đại hàng đầu hiện nay như nhận diện gương mặt, phân tích đám đông, theo dõi trực tuyến. Với khả năng lưu trữ dữ liệu khổng lồ, phân tích dữ liệu dựa trên trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, trung tâm sẽ phát huy hiệu quả tính năng giám sát và điều hành của thành phố thông minh.

TP. Hưng Yên đồng thời triển khai các phân hệ là các dịch vụ giám sát nền tảng Trung tâm Điều hành thông minh; hệ thống giám sát điều hành an ninh; hệ thống giám sát điều hành giao thông; hệ thống phản ánh hiện trường; hệ thống giám sát thông tin báo chí và truyền thông; hệ thống giám sát, bảo mật an toàn thông tin; hệ thống phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin kinh tế- xã hội; tích hợp hệ thống dữ liệu ngành giáo dục và y tế.

Tỉnh Hưng Yên chính thức triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối đến 100% Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn. Như vậy, Hưng Yên đã đưa các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ khối chính quyền chạy trên hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng đảm bảo tính an toàn bảo mật theo quy định của nhà nước.

Ngoài Tập đoàn FPT, tỉnh Hưng Yên đã ký hợp tác với những tập đoàn công nghệ lớn như Tập đoàn VNPT để thúc đẩy chuyển đổi số của tỉnh.

Nguồn: ictnews.vietnamnet.vn

BẮC GIANG: NÂNG CAO CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ngày 11/6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ký ban hành Kế hoạch số 2663/KH-UBND về nâng cao Chỉ số chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2022 và các năm tiếp theo.

Kế hoạch nhằm đánh giá hiện trạng thực hiện chuyển đổi số hằng năm của tỉnh; thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong các nghị quyết, kế

hoạch của tỉnh Bắc Giang về chuyển đổi số hằng năm, giai đoạn 2021 - 2025 và nâng cao Chỉ số chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Xây dựng chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số số và cập nhật thông tin trung bình 1 lần/tuần; xây dựng chuyên mục về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và cập nhật tin, bài về chuyển đổi số ít nhất 20 tin, bài/năm.

Các cơ quan báo chí của tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và tần suất phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số từ 1 lần/tuần; Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và tần suất phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số từ 1 lần/tuần.

Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản, chính sách về chuyển đổi số

Xây dựng kế hoạch hành động hằng năm của tỉnh Bắc Giang về chuyển đổi số; kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số; ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số; ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; ban hành văn bản định kỳ hằng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số.

Bổ sung chức năng nhiệm vụ của Sở Thông tin và Truyền thông phù hợp với nhiệm vụ mới theo chủ trương chuyển đổi số, xây dựng, triển khai hạ tầng số, công nghệ số, nền tảng số.

Các nền tảng số được triển khai đều ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đạt tiêu chuẩn; các nền tảng số dùng chung trên Trung tâm THDL của tỉnh: (1) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); (2) Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; (3) Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; (4) Nền tảng họp trực tuyến; (5) Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; (6) Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; (7) Nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức. Các nền tảng số được triển khai đều ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI).

Thực hiện phổ cập điện thoại thông minh giá rẻ cho người dân trên địa bàn tỉnh bảo đảm: 100% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; 100% hộ gia đình có điện thoại thông minh; 100% hộ gia đình có kết nối internet băng rộng.

Bố trí đủ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số

Triển khai thành lập và tổ chức hoạt động các Tổ công nghệ số cộng đồng đến cấp xã, cấp thôn; bảo đảm 100% các xã thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng, khuyến khích cấp thôn thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng.

Bố trí đủ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước để phục vụ triển khai chuyển đổi số.

Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân trên nền tảng OneTouch, tiên khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho người lao động trong độ tuổi lao động.

Đẩy mạnh chuyển đổi số số trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông về chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).

Bảo đảm an toàn thông tin mạng

Thực hiện cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia cho 100% máy chủ và máy trạm của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tăng cường giám sát, phát hiện và xử lý các sự cố trong các cơ quan nhà nước; thực hiện xử lý, loại bỏ mã độc đối với các IP botnet được phát hiện, cảnh báo trong danh sách blacklist. Xây dựng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng cho các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước; tổ chức các cuộc diễn tập xử lý các sự cố tấn công mạng.

Hoạt động chính quyền số

Nâng cấp Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định và thực hiện chuyển đổi sang IPv6. Triển khai Cổng dữ liệu mở đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định. Hợp nhất Cổng dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh tạo thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng thông tin điện tử) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kết nối, chia sẻ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP). Đồng thời, đưa các dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) vào sử dụng chính thức tại tỉnh.

Nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được điền sẵn thông tin; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được cá thể hóa; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến; tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Triển khai các nền tảng dữ liệu dùng chung và áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số.

Hoạt động kinh tế số

Nâng cao tỷ trọng kinh tế số trong GRDP bảo đảm đạt tối thiểu 20% GRDP của tỉnh. Thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ số (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin), doanh nghiệp nền tảng số hoạt động trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số đạt tối thiểu 5%, doanh nghiệp nền tảng số đạt tối thiểu 10% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx bảo đảm đạt tối thiểu 10% số doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh; sử dụng nền tảng số đạt tối thiểu 50% số doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm 80% số doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trên địa bàn tỉnh; 100% doanh nghiệp sử dụng thuế điện tử. Đẩy mạnh

các giao dịch trên sàn thương mại điện tử Voso.vn và Postmart.vn, bảo đảm tối thiểu 5% số lượng giao dịch trên tổng số bưu gửi chuyên phát hàng hóa qua Bưu điện Việt Nam và Viettel Post tại địa bàn.

Hoạt động xã hội số

Triển khai gắn địa chỉ số đến 100% các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh và phổ cập danh tính số/tài khoản định danh điện tử cho người dân trên địa bàn tỉnh. Triển khai cấp tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác cho người dân từ 15 tuổi trở lên bảo đảm tối thiểu 80% người dân được cấp trên tổng số người dân từ 15 tuổi trở lên.

Tại Kế hoạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện bảo đảm kịp thời, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương.

Nguồn: bacgiang.gov.vn

THÁI NGUYÊN: CẢI THIỆN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Theo đánh giá của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, kết quả Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2021 của Thái Nguyên đứng thứ 6/63 tỉnh, thành phố của cả nước (xếp thứ nhất trong 14 tỉnh khu vực trung du miền núi phía Bắc), tăng 6 bậc so với năm 2020. Để hiểu rõ hơn về kết quả đã đạt được và những giải pháp nâng cao chất lượng cải cách hành chính trong thời gian tới, phóng viên Báo Thái Nguyên đã có cuộc phỏng vấn Giám đốc Sở Nội vụ Nguyễn Đức Lực.

Phóng viên: Trước hết, ông có thể cho biết kết quả Chỉ số cải cách hành chính đạt được trong năm 2021 đã phản ánh như thế nào về những nỗ lực của tỉnh trong thời gian qua?

Ông Nguyễn Đức Lực: Đây là năm thứ 5 liên tiếp Thái Nguyên cải thiện thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính, tăng 48 bậc so với năm 2016. Điều này khẳng định sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của nhân dân trong cải cách hành chính, đặc biệt là sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo cải thiện Chỉ số cải cách hành chính trong bối cảnh Thái Nguyên cùng với cả nước phải thực hiện mục tiêu vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội.

Phóng viên: Ông đánh giá như thế nào về các lĩnh vực, tiêu chí đạt điểm số tăng cao?

Ông Nguyễn Đức Lực: Nhìn chung, Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của tỉnh Thái Nguyên có sự cải thiện đồng bộ, 5/8 lĩnh vực được cải thiện thứ bậc so với năm 2020.

Chỉ số về sự hài lòng của người dân (SIPAS) cũng đạt mức cao so với những năm qua, xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố, với 89,42%, tăng 1,76% và tăng 13 bậc so với năm 2020. Về thể chế, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục hoàn thiện đáp ứng yêu cầu vận động của kinh tế thị trường, hiệu quả thực thi pháp luật được nâng cao. Bộ máy các cơ quan hành chính của tỉnh

tiếp tục được hoàn thiện, sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Năm 2021, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện sắp xếp giảm 26 phòng thuộc sở và cơ quan tương đương, giảm 4 chi cục thuộc sở và 20 phòng thuộc chi cục, tỷ lệ giảm biên chế hành chính của tỉnh so với năm 2015 đạt 15%. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng nâng cao.

Bên cạnh đó, toàn tỉnh tập trung triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số. Điển hình như: Triển khai Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh và một số địa phương (TP. Phổ Yên, TP. Sông Công); đưa vào sử dụng rộng rãi ứng dụng C-ThaiNguyen, nền tảng xã hội số Thái Nguyên ID; 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được cung cấp ở mức độ 4...

Cải cách hành chính đã tạo động lực mạnh mẽ để phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2021, thu ngân sách đạt 146,5% so với kế hoạch giao. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh đạt 6,51%, cao hơn năm 2020 là 2,33%; cấp chứng nhận đầu tư đối với 14 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký là 110,6 triệu USD. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới trong năm của tỉnh tăng 15,93% so với năm 2020.

Phóng viên: Từ những kết quả đạt được, tỉnh có giải pháp, kế hoạch thực hiện như thế nào, thưa ông?

Ông Nguyễn Đức Lực: Tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng kế hoạch tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ các nội dung Chương trình cải cách hành chính, phấn đấu vươn lên thuộc nhóm A, đạt từ 90 điểm trở lên và xếp trong nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước.

Để đạt được mục tiêu này, việc thứ nhất, Sở Nội vụ tổ chức phân tích kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, chỉ ra được hạn chế, từ đó tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch cải thiện điểm số cho năm 2022 và những năm tiếp theo.

Thứ hai, bám sát chỉ đạo của Chính phủ về Chương trình cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch năm 2022; đảm bảo mọi nguồn lực cho công tác cải cách hành chính; tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Thứ ba, thực hiện đồng bộ việc xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số theo Nghị quyết số 01 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Thứ tư, tiếp tục thực hiện các quy định của Chính phủ về đổi mới sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức.

Thứ năm, đổi mới cơ chế tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp công lập và đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Phóng viên: Xin cảm ơn ông!

Nguồn: baothainguyen.vn

NAM ĐỊNH: TẠO CHUYỂN BIẾN VỀ NHẬN THỨC CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO CÁN BỘ

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định vừa phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức hội nghị phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho cán bộ, lãnh đạo tỉnh Nam Định.

Hội nghị được kết nối trực tuyến tới các huyện, thành phố Nam Định và 226 xã, phường, thị trấn. Thành phần tham gia hội nghị là cán bộ chủ chốt, cán bộ công chức phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và cải cách hành chính truyền thông các địa phương.

Theo Bí thư Tỉnh ủy Nam Định Phạm Gia Túc, ngày 15/10/2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết 09 về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với 3 mục tiêu lớn: Phát triển chính quyền số, tăng tỷ trọng kinh tế số và phát triển xã hội số. Trong đó, xác định rõ tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP của tỉnh vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.

Ông cho hay, so với nhiều địa phương khác, tỉnh Nam Định chưa mạnh về phát triển công nghiệp, dịch vụ, nguồn thu thấp, nhưng tỉnh đã có cách làm riêng trong xây dựng chính quyền điện tử, cải cách hành chính, cung cấp các dịch vụ tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp... Từ đó, mang lại những kết quả ban đầu tích cực.

Diễn hình như: Kiến trúc nền tảng của chính quyền điện tử bước đầu được hình thành. Cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông được tăng cường đầu tư và hoạt động ổn định hiệu quả. Các hệ thống thông tin trọng yếu được triển khai đồng bộ, kết nối liên thông 4 cấp.

Bên cạnh đó, Chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2020 (DTI 2020), Nam Định đứng thứ 11/63 tỉnh, thành phố, trong đó chỉ số thành phần về xã hội số tỉnh Nam Định đứng thứ 5/63 tỉnh, thành phố.

Dù vậy, Bí thư Tỉnh ủy Nam Định cũng nhìn nhận, việc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh vẫn là một khái niệm mới, nhiều cán bộ, đảng viên chưa hiểu thấu đáo và còn lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số, Bí thư Tỉnh ủy yêu cầu lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU tại cơ quan, đơn vị, địa phương một cách nghiêm túc, hiệu quả.

Trong đó tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm: nghiên cứu, tiếp thu những kiến thức, kinh nghiệm về chuyển đổi số của các chuyên gia; nêu cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu. Đẩy mạnh tuyên truyền đến mỗi đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người dân về chuyển đổi số, các tổ chức, doanh nghiệp.

Nguồn: vietnamnet.vn

KHÁNH HÒA: BAN HÀNH KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Kế hoạch nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của lãnh đạo và cán bộ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân để thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền về tầm quan trọng, ý nghĩa, lợi ích và những giá trị to lớn, thiết thực mà chuyển đổi số mang lại trong công tác quản lý, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội.

Nội dung tuyên truyền tập trung vào các vấn đề sau: Phổ biến các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số; thông tin các nội dung cơ bản về chuyển đổi số, tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động của chuyển đổi số, chính quyền số, công nghệ số đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh; tuyên truyền về xây dựng và phát triển chính quyền số; tuyên truyền về phát triển kinh tế số nhằm thay đổi nhận thức của các tổ chức, doanh nghiệp; tuyên truyền về phát triển xã hội số, hình thành văn hóa số; các giải pháp phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; thông tin về các cơ chế, chính sách, phát triển nguồn nhân lực, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền về vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp đối với việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số và các vấn đề có liên quan trong công cuộc chuyển đổi số của tỉnh; phản ánh các hoạt động chuyển đổi số, hợp tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm về cung cấp và sử dụng thông tin số trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ thông tin, dữ liệu trên môi trường số, tuân thủ các quy tắc về sử dụng dịch vụ số, ứng xử trên mạng xã hội; các kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; tham gia tích cực các hoạt động về an toàn, an ninh mạng, góp phần phòng, chống có hiệu quả các hoạt động phá hoại, thâm nhập trái phép các hệ thống thông tin; thông tin, chia sẻ, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số; cách làm hay, sáng tạo, mô hình điển hình về chuyển đổi số; những thành tựu, hiệu quả về chuyển đổi số...

Nguồn: baokhanhhoa.vn

NINH THUẬN: TĂNG TỐC CHUYỂN ĐỔI SỐ, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

'Để chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh thật sự phát triển nhanh, hiệu quả thì cần sự vào cuộc và quyết tâm cao của toàn bộ hệ thống chính trị, nhân dân, có cách làm, hướng đi phù hợp', Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Nguyễn Long Biên cho biết.

Theo Ban điều hành chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận, trong 6 tháng đầu năm 2022, thực hiện kế hoạch chuyển đổi số, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã phối hợp chặt chẽ, bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực, nhất là đối với nội dung rà soát, bổ sung, điều chỉnh hoàn thiện đề án, nghị quyết, hiện trạng về các chuyên đề chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; hỗ trợ triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử và triển khai xây dựng kho dữ liệu dùng chung.

Đến nay, đã đồng bộ hóa việc ứng dụng ICT trong toàn tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành của hệ thống chính trị. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và truyền thông từng bước hiện đại hóa. 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện và 90% cán bộ cấp xã đã được trang bị máy tính có kết nối mạng. Các cơ quan khối Đảng và cơ quan Nhà nước đã kết nối mạng diện rộng (WAN) của tỉnh.

Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được liên thông 4 cấp từ Trung ương, tỉnh, huyện, xã. Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) và điều hành đô thị thông minh (IOC) hoạt động ổn định, đảm bảo yêu cầu về bảo mật và an toàn thông tin.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Long Biên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban điều hành chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận cho biết, chuyển đổi số là vấn đề lớn, mới và khó, cần nhiều nguồn lực đầu tư cả kinh phí và nhân lực. Để chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh thật sự phát triển nhanh, hiệu quả thì cần sự vào cuộc và quyết tâm cao của toàn bộ hệ thống chính trị, nhân dân, có cách làm, hướng đi phù hợp.

Trong 6 tháng cuối năm 2022, các sở, ban, ngành, địa phương cần quyết liệt thực hiện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số. Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch chuyển đổi số năm 2022 của Ban điều hành chuyển đổi số. Triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; xây dựng chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến như giảm thời gian xử lý hồ sơ, giảm lệ phí.

Đồng thời, triển khai có hiệu quả đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử. Triển khai thành lập và tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ ở các tổ công nghệ số cộng đồng để tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện chuyển đổi số, trong đó có hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; đưa hoạt động của người dân lên môi trường số bằng các nền tảng số Việt Nam như phục vụ đi lại, giao thông, mua sắm, du lịch, học tập, thanh toán số...

Bên cạnh đó, triển khai nhanh, hiệu quả ứng dụng Nền tảng địa chỉ số cho 100% các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh. Xây dựng chính sách hỗ trợ cán bộ làm công tác công nghệ thông

tin của tỉnh; chính sách thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025.

Ngoài ra, xây dựng hệ thống các cơ sở dữ liệu; hỗ trợ doanh nghiệp đưa các sản phẩm đặc thù lên sàn thương mại điện tử; triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, khám chữa bệnh từ xa; phát triển hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt. Phấn đấu mục tiêu năm 2022 về phát triển hạ tầng số, chính phủ số, kinh tế số và xã hội số của tỉnh cao hơn mục tiêu chung của cả nước.

Nguồn: baophapluat.vn

ĐỒNG NAI: PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Ngày 28/01/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vừa ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, mục tiêu đến năm 2025 là 100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước trên địa bàn tỉnh được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số. 70% người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn tỉnh có kỹ năng sử dụng các loại dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng, cơ bản nắm được cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

Bên cạnh đó, tuyển chọn, cử cán bộ tham gia Chương trình đào tạo được tối thiểu 1 ngàn chuyên gia chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, địa phương do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối. Tham gia ứng dụng thí điểm mô hình giáo dục đại học số và triển khai mô hình tại một số cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh khi mô hình được hoàn thiện.

Ngoài ra, chương trình còn hướng đến mục tiêu đào tạo được 30 kỹ sư, cử nhân, cử nhân thực hành chất lượng cao chuyên ngành công nghệ số tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh có thế mạnh trong đào tạo về chuyển đổi số; 50% cơ sở giáo dục được các cấp tiểu học đến Trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục Stem và kỹ năng số.

Để đạt được các mục tiêu trên cần phải thực hiện những nhiệm vụ và giải pháp liên quan đến xây dựng cơ chế, chính sách; nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; phổ cập kỹ năng về chuyển đổi số; phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số...

Nguồn: baodongnai.com.vn

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC THAM MƯU HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH Ở CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ

Chính sách ban hành có chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tế sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội; ngược lại, chính sách không phù hợp sẽ kìm hãm sự phát triển, ảnh hưởng đến đời sống xã hội và của người dân. Quá trình hội nhập và toàn cầu hóa cũng như cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tác động mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống của người dân; xu hướng dân chủ hóa đời sống xã hội và trình độ dân trí ngày càng cao đòi hỏi việc xây dựng và ban hành chính sách phải mang tính khả thi, phù hợp với thực tiễn. Ở mỗi giai đoạn phát triển của xã hội, vấn đề nâng cao chất lượng, hiệu quả các chính sách luôn được các cơ quan quản lý nhà nước đặc biệt quan tâm.

1. Thực trạng chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tham gia hoạch định chính sách ở Việt Nam

Theo báo cáo của Bộ Tư pháp, tính đến năm 2018, tổng số cán bộ, công chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ làm công tác xây dựng chính sách, soạn thảo, thẩm định chính sách là 5.138 người (trong đó có 475 người làm việc tại Bộ Tư pháp; 472 người làm việc tại Vụ Pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 4.191 người làm việc tại các đơn vị chuyên môn thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ). Về cơ bản, cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật ở các cơ quan Trung ương được đào tạo chính quy với 1.929 người có trình độ đại học và 3.030 người có trình độ sau đại học(1).

Qua kết quả khảo sát cho thấy gần 99% cán bộ, công chức ở các bộ được giao nhiệm vụ xây dựng chính sách đều được đào tạo bài bản, chính quy và có trình độ đại học trở lên. Trải qua quá trình tham mưu xây dựng chính sách đội ngũ nhân lực này không chỉ có trình độ mà còn tích lũy được kinh nghiệm trong quá trình làm việc thực tế. Chất lượng đội ngũ nhân lực đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng dự thảo các chính sách có chất lượng trong thời gian qua.

Đội ngũ cán bộ, công chức của các đơn vị khác (không phải Vụ Pháp chế) thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan chuyên môn chủ yếu được đào tạo từ các chuyên ngành khác. Số lượng được đào tạo chuyên ngành luật chỉ chiếm 27% trong tổng số cán bộ, công chức tham gia xây dựng, soạn thảo, thẩm định chính sách ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Có một thực tế là, các cơ quan, đơn vị chưa có chiến lược dài hạn về phát triển nguồn nhân lực làm công tác xây dựng chính sách, đặc biệt là chính sách đãi ngộ và sử dụng hiệu quả cán bộ, công chức làm công tác xây dựng chính sách sau khi đã được đào tạo, bồi dưỡng. Tình trạng một số cán bộ, công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài sau đó không trở về hoặc trở về, nhưng lại chuyển sang công tác ở lĩnh vực khác ngày càng phổ biến, dẫn đến tình trạng chảy máu chất xám và lãng phí nguồn nhân lực.

Chất lượng hoạch định chính sách một phần được đánh giá thông qua tỷ lệ tán thành của các đại biểu Quốc hội. Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018, các Bộ và cơ quan ngang Bộ đã tiến hành tham mưu hoạch định chính sách và điều chỉnh 23 chính sách của Nhà nước trên tất cả các ngành và lĩnh vực mà các bộ quản lý. Trong 23 chính sách được tham mưu hoạch định và điều chỉnh có 08 chính sách được thông qua (đạt tỷ lệ 37,5%), đây là kết quả quan trọng mà các bộ, cơ quan ngang bộ đã giành được.

Kết quả hoạch định chính sách ở các Bộ được đánh giá thông qua tỷ lệ tán thành của Quốc hội như sau:

Bảng 1: Các dự thảo luật được thông qua giai đoạn 2016 - 2018

STT	Luật được thông qua	Tỷ lệ tán thành (đơn vị %)	Tỷ lệ không tán (đơn vị %)	Tỷ lệ không bỏ phiếu (đơn vị %)
1	Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	84,58	2,03	0,2
2	Luật Đấu giá tài sản	84,41	2,57	0
3	Sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư	83,16	7,3	2,03
4	Luật Quốc phòng (sửa đổi)	88,30	0,82	0,21%
5	Luật An ninh mạng	86,86	3,08	5,75
6	Luật Tố cáo (sửa đổi)	96,30	0,21	0
7	Luật Cạnh tranh (sửa đổi)	95,28	1,03	0
8	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao	93,83	0,21	0,41

Nguồn: Quốc hội Việt Nam

Số liệu trên cho thấy, giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018, Quốc hội đã thông qua 04 chính sách mới được các bộ xây dựng. Tỷ lệ ủng hộ đối với các chính sách này rất cao, từ 84,41% đến 86,86% số đại biểu tham dự; thể hiện tính thời sự của các chính sách và chất lượng tham mưu hoạch định chính sách. Trong số 08 chính sách được thông qua, có 04 chính sách được các bộ tham mưu và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của đất nước và được các đại biểu Quốc hội đánh giá cao, thể hiện qua tỷ lệ ủng hộ của số đại biểu tham dự bỏ phiếu tán thành chiếm từ 83,16% đến 96,3%.

Bảng 2: Dự thảo luật dự định thông qua và cho ý kiến giai đoạn 2016 - 2018

STT	Luật dự định thông qua	Dự luật cho ý kiến
1	Luật Cảnh sát biển Việt Nam	Luật Giáo dục (sửa đổi)
2	Luật Công an nhân dân (sửa đổi)	Luật Kiến trúc
3	Luật Đặc xá (sửa đổi)	Luật Quản lý thuế (sửa đổi)
4	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học	Luật Đầu tư công (sửa đổi)
5	Luật Chăn nuôi	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự
6	Luật Trồng trọt	Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia
7	Luật Phòng, chống tham nhũng (sửa đổi)	
8	Luật Bảo vệ bí mật nhà nước	
9	Luật sửa đổi, bổ sung các Luật có quy định liên quan đến quy hoạch	

Nguồn: Quốc hội Việt Nam

Như vậy, trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018, các Bộ đã tiến hành tham mưu hoạch định và sửa đổi 15 chính sách, trong đó có 09 chính sách dự kiến thông qua trong kỳ họp tiếp theo; 06 chính sách được tham mưu hoạch định và trình xin ý kiến Quốc hội. Điều này thể hiện quá trình hoạch định chính sách của các bộ khá chặt chẽ, khách quan và dân chủ.

Trong những năm qua, Bộ Tư pháp đã kiểm tra và phát hiện hàng nghìn văn bản trái pháp luật, trong đó có những văn bản khi ban hành đã gặp nhiều phản ứng của dư luận. Ví dụ, Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải quy định về giấy tờ hành khách có thể xuất trình khi làm thủ tục đi máy bay nội địa đã loại bỏ các loại giấy tờ như: thẻ đảng viên; thẻ nhà báo; giấy phép lái xe; thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay; thẻ nhận dạng của các hãng hàng không Việt Nam, bị dư luận phản ứng khá gay gắt. Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp nhận định, việc loại bỏ một số giấy tờ nêu trên nhưng lại chấp nhận những giấy tờ khác là chưa thống nhất về tiêu chí xác định các loại giấy tờ được chấp nhận, dẫn đến không công bằng và chưa hợp lý.

Đánh giá chung, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc hoạch định chính sách còn có những hạn chế, chưa đáp ứng đòi hỏi và yêu cầu thực tiễn. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5 khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã chỉ rõ: “Một số quy định pháp luật, cơ chế, chính sách còn chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu ổn

định, nhất quán; còn có biểu hiện lợi ích cục bộ, chưa tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển”.

2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tham gia hoạch định chính sách

Để nâng cao hiệu quả và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tham gia quá trình hoạch định chính sách, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, cần có chiến lược dài hạn về phát triển nguồn nhân lực làm công tác xây dựng và hoạch định chính sách, đặc biệt là chính sách đãi ngộ và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tham mưu, xây dựng chính sách sau khi đã được đào tạo, bồi dưỡng. Có chính sách thu hút cán bộ, công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài trở về làm công tác hoạch định chính sách, tránh tình trạng lãng phí nguồn nhân lực.

Hai là, cần quan tâm đúng mức đến việc xây dựng kế hoạch và chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức làm công tác xây dựng chính sách, soạn thảo, thẩm định chính sách của Bộ, ngành quản lý. Kế hoạch đào tạo phải cụ thể, gắn với tình hình quản lý thực tế tại các Bộ. Chương trình đào tạo cần phù hợp với năng lực của người tham gia hoạch định chính sách và điều kiện thực tiễn. Sau đào tạo các Bộ cần có đánh giá chính xác năng lực đang có và năng lực cần đạt được trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ, công chức tham gia xây dựng và hoạch định chính sách, để từ đó lựa chọn những người có năng lực, trình độ cao tham gia vào quá trình xây dựng và hoạch định chính sách.

Ba là, cần có chiến lược tuyển dụng cán bộ, công chức có trình độ cao về chuyên ngành pháp luật. Sau khi tuyển dụng, cần sắp xếp, tạo điều kiện cho đội ngũ này được làm việc ở nhiều môi trường khác nhau, bắt đầu từ cơ sở, để tích lũy kinh nghiệm và các kiến thức thực tế khi tiến hành tham mưu, kiến nghị hoạch định chính sách phù hợp với thực tế, điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương và vấn đề chính sách cần hoạch định mang tính thời sự, cấp thiết, được sự đồng thuận của người dân với tư cách là người trực tiếp chịu tác động của chính sách và hưởng thụ chính sách. Đồng thời, những người tham gia quá trình hoạch định chính sách có thể đưa ra những kiến nghị phù hợp, tránh việc xây dựng chính sách không sát với thực tế, chính sách ban hành chông chéo làm lãng phí nguồn lực và gây sự bức xúc không đáng có trong nhân dân. Điều quan trọng là, đội ngũ công chức tham gia quá trình hoạch định chính sách phải là những người chí công vô tư, không bị chi phối bởi lợi ích nhóm, biết vượt qua thử thách về lợi ích để không tạo kẽ hở nhằm trục lợi, “tham nhũng chính sách”.

Bốn là, cần sắp xếp tổ chức bộ máy xây dựng và hoạch định chính sách cho phù hợp, có thể tiến hành hoạch định các chính sách theo dự án. Mỗi dự án cần lựa chọn chuyên gia giỏi về vấn đề cần hoạch định và có năng lực quản lý tốt. Đối với các chuyên gia, người đứng đầu các bộ, cơ quan, đơn vị cần trực tiếp lựa chọn, phân công nhiệm vụ; đội ngũ này có trách nhiệm báo cáo trực tiếp tiến độ của dự án với người đứng đầu. Đội ngũ những người tham gia dự án xây dựng và hoạch định chính sách cần được lựa chọn, tuyển dụng và được hưởng lương, thù lao tương xứng với công việc được giao.

Xây dựng và hoạch định chính sách là bước đầu tiên trong một chuỗi các hoạt động liên quan đến quá trình ban hành các chính sách của Nhà nước, có vai trò quan trọng, quyết định đến chất lượng chính sách. Do đó, đội ngũ xây dựng và hoạch định chính sách phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế, khả năng khái quát, đánh giá vấn đề. Việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tham gia xây dựng và hoạch định chính sách cần được thực hiện đồng bộ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước.

ThS. Nguyễn Thị Hoa, ThS. Nguyễn Văn Phú - Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

Nguồn: tcnn.vn

Ghi chú:

(1) Bộ Tư pháp (2019), Báo cáo đánh giá 03 năm thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, khóa XI về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở.

2. Bộ Chính trị, Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

4. Nxb Từ điển Bách khoa, Từ điển Bách khoa Việt Nam, H.2011.

TRUYỀN THÔNG SỐ THỨC ĐẨY PHỤC HỒI KINH TẾ

Chuyển đổi số đang ngày càng tiến sâu vào từng ngành nghề, lĩnh vực. Trong đó, truyền thông đa nền tảng được xem là xu hướng tất yếu mà các cơ quan báo chí đều đang hướng đến. Trong giai đoạn hiện nay, truyền thông số đang góp phần thúc đẩy phục hồi kinh tế.

Có dữ liệu về độc giả

Tại tọa đàm truyền thông số thúc đẩy phục hồi kinh tế mới đây, Tổng biên tập Báo Nhân dân Lê Quốc Minh, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam cho rằng, trước đây, các cơ quan báo chí dựa vào quá nhiều nền tảng khác nhau. Những năm gần đây đã thay đổi.

"Xây dựng nền tảng riêng là rất khó nhưng chúng ta cần chủ động thu thập dữ liệu độc giả, nếu hiểu độc giả và nắm được thị hiếu thì nắm phần thắng 50%. Từ đó, cơ quan báo chí sẽ chủ động trong việc sản xuất nội dung. Nếu chúng ta sử dụng công cụ phân tích có thể biết xu hướng người dùng. Theo thống kê, người xem trung thành thường chiếm 20% và chúng ta cần đưa cho họ nội dung tốt để giữ chân họ. Những người đi ngang qua chiếm tới 80% nhưng không mang lại giá trị. Do đó, các cơ quan báo chí cần dành năng lượng, vật chất để giữ 20% quan trọng, mang lại nhiều tiền cho chúng ta", ông Lê Quốc Minh nhấn mạnh.

"Người ta nói về việc radio, truyền hình sẽ "chết" dưới tác động của mạng xã hội nhưng hiện chưa có đơn vị nào "chết" nhưng khó khăn là có thật, trong khi đó digital đang phát triển. Nếu không chuyển đổi số chắc chắn là khó tồn tại. Chúng ta nên làm ngay hơn là chờ đợi. Không có cách nào khác, các cơ quan báo chí cần có sự chuyển đổi số phù hợp", nhà báo Lê Quốc Minh cho biết.

Chủ tịch Yeah1 Nguyễn Ánh Nhượng Tổng cho rằng, nói đến chuyển đổi số nói đến 10 năm nay rồi, truyền thông số dựa trên sự phát triển của khoa học kỹ thuật. Trước là phát một chiều nay thì phát trên mạng thì có sự tương tác với khán giả. Internet có nhiều ứng dụng, tạo cơ hội và internet lan tỏa toàn cầu.

Trao đổi về vấn đề này, Cục trưởng Cục Báo chí (Bộ Thông tin và Truyền thông) Nguyễn Thanh Lâm cho biết, truyền thông mới trên không gian internet phải đảm bảo sự tương tác giữa người đọc và người xem và chúng ta chịu sự giám sát cũng như tương tác liên tục với người đọc. Ngoài ra, trên không gian số, chúng ta có một cơ hội chưa bao giờ có là tìm lại được người đọc, người xem thực sự của mình là ai, thu thập được dữ liệu khá đầy đủ về hành vi đọc, nhu cầu đọc của độc giả để có thể phục vụ họ tốt hơn.

Trao đổi về khó khăn trong chuyển đổi số của các cơ quan báo chí, ông Nguyễn Thanh Lâm cho biết, hiện nhiều cơ quan báo chí tự cân đối ngân sách cũng rất khó khăn chứ không nói gì đến câu chuyện đầu tư phát triển. Do đó, nhà nước cũng có thể có những nguồn lực để đầu tư từ nguồn ngân sách. "Nhưng nhà nước có vai trò quan trọng hơn là kéo những doanh nghiệp trong nước có hạ tầng số, có lợi thế về công nghệ, về tài chính có thể đồng hành với việc chuyển đổi số của báo chí", ông Lâm cho biết. Đây không phải đơn thuần là kêu gọi

doanh nghiệp giúp báo chí, mà là chỉ ra mối quan hệ cộng sinh giữa doanh nghiệp viễn thông, hạ tầng số với các cơ quan báo chí trong hệ sinh thái số. Nội dung phải là hàng hóa quan trọng nhất của hạ tầng số, vì thế đơn vị làm nội dung (cơ quan báo chí) và doanh nghiệp hạ tầng số đều cần đến nhau", ông Nguyễn Thanh Lâm nhận định.

Nhà nước sẽ có những định hướng, dẫn dắt các cơ quan báo chí nên làm gì trước, sao cho vừa sức, có những cách làm chuyển đổi số phù hợp thực tế của Việt Nam, đi theo cách hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện riêng của từng cơ quan báo chí...

Phòng chống tin giả

Về vấn đề phòng chống tin giả trên các nền tảng số, Cục trưởng Cục Báo chí Nguyễn Thanh Lâm khẳng định, tất cả mọi người đều phải có trách nhiệm. Bản thân người đọc tin cũng phải có trách nhiệm trang bị cho mình những kỹ năng nhận diện, phòng tránh tin giả, bắt đầu bằng việc chia sẻ có trách nhiệm, hoặc hạn chế chia sẻ những tin tức đọc được trên mạng.

Đối với cơ quan quản lý và các nền tảng truyền thông, ông Nguyễn Thanh Lâm nhấn mạnh, chúng ta không thể mãi “thả gà ra đūổi” và chạy theo để xử lý hậu quả. Sẽ phải có những biện pháp đón đầu, ngăn chặn từ gốc hiệu quả hơn. Ví dụ, cơ quan quản lý sẽ làm việc nhiều hơn với các nền tảng mạng xã hội, như: TikTok, Facebook, YouTube... Các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới sẽ phải làm tốt hơn việc ngăn chặn tin giả. Đã có những lúc và thậm chí đến bây giờ những nền tảng này vẫn đang hưởng lợi từ việc để cho tin giả phát tán. “Các mạng xã hội xuyên biên giới phải làm tốt hơn việc này. Phải chấm dứt việc hưởng lợi từ việc phát tán tin giả, nếu không làm thì phải có chế tài”, ông Lâm cho biết.

Bên cạnh đó, ông Nguyễn Thanh Lâm cho rằng: "Các cơ quan báo chí phải mang thông tin chính thống vào không gian mạng. Chúng ta không thể để mạng xã hội trở thành nơi độc diễn của những nguồn thông tin không chính thống”.

Ông Lê Quốc Minh cho rằng, tin giả càng ngày càng nhiều hơn và quy mô lớn hơn. Tin giả hiện do con người tạo ra nhưng sau này là do trí tuệ nhân tạo tạo ra nhiều gấp trăm lần và với sự hỗ trợ của mạng xã hội phát tán nhanh và vấp tin giả là chắc chắn. Người có trách nhiệm và cơ quan báo chí cũng có thể bị đăng nhầm tin giả. Điều này xảy ra với cơ quan báo chí trên cả thế giới và Việt Nam. Đây là chưa kể dip fake và xảy ra với thời sự, kinh tế là lớn nhất.

"Về giải pháp, kênh thông tin chính thống cần phải chuẩn chỉnh. Người dùng bơi trong lượng thông tin khổng lồ cả chính thức lẫn giả thì xu hướng họ sẽ tìm về tin chính thống để kiểm định. Cơ quan báo chí chính thống định hướng xác thực, không chạy đua với mạng xã hội. Yếu tố “đúng” đặt lên hàng đầu", ông Lê Quốc Minh cho biết.

Ông Lê Quốc Minh khẳng định: “Truyền thông có vai trò quan trọng trong cuộc sống. Do đó, trước lượng thông tin khổng lồ, người đọc xu hướng lựa chọn thông tin phù hợp phục vụ cuộc sống của mình”.

Nguồn: baotintuc.vn

QUYẾT TÂM VÀ NỖ LỰC TO LỚN CỦA CHÍNH PHỦ ĐÁP ỨNG NGUYỆN VỌNG CỦA HÀNG TRIỆU LAO ĐỘNG

Chính phủ vừa ban hành Nghị định về tăng lương tối thiểu vùng, có hiệu lực từ 01/7/2022. Đại biểu Quốc hội Trần Thị Thu Phước (Phó Giám đốc Công an tỉnh Kon Tum) đánh giá cao những nỗ lực của Chính phủ trong việc bảo đảm lộ trình tăng lương cho người lao động trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do dịch COVID-19.

Theo đại biểu, trong 2 năm qua, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, tỷ lệ lao động thiếu việc làm, thất nghiệp tăng cao, tiền lương tối thiểu vùng đã không tăng, thu nhập giảm, trong khi đó, tình hình vật giá leo thang khiến đời sống của người lao động khó khăn chồng chất khó khăn, phải lo lắng về từng bữa cơm, manh áo, tác động tiêu cực đến nguồn nhân lực cũng như tiến độ phục hồi kinh tế - xã hội của đất nước.

Trước tình hình đó, bên cạnh việc hỗ trợ doanh nghiệp, phục hồi nền kinh tế bằng những chính sách tài khoá, tín dụng... Chính phủ đã tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, quyết định tăng lương tối thiểu vùng với mức tăng là 6% so với hiện nay.

"Đây là mức tăng cao nhất từ trước đến nay. Đặc biệt, việc này được thực hiện ngay từ ngày 01/7/2022, dù trước đó, 8 hiệp hội có lượng lao động lớn đã kiến nghị Chính phủ lùi thời điểm tăng lương tối thiểu vùng đến ngày 01/01/2023", bà Trần Thị Thu Phước nhấn mạnh.

Phó Giám đốc Công an tỉnh Kon Tum cho rằng, việc tăng lương tối thiểu vùng ngay từ ngày 01/7 là đúng đắn và rất cần thiết, thể hiện sự quyết tâm và nỗ lực to lớn của Chính phủ trong việc đáp ứng nguyện vọng của hàng triệu lao động, bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ. Đồng thời, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, động viên tinh thần người lao động, tạo động lực để phục hồi, phát triển kinh tế-xã hội đất nước.

Lần đầu tiên Việt Nam có quy định tiền lương tối thiểu theo giờ

Điểm mới của Nghị định lần này là quy định tiền lương tối thiểu theo giờ. Theo đại biểu Trần Thị Thu Phước, đây là lần đầu tiên Việt Nam có quy định về tiền lương tối thiểu theo giờ. Quy định này là cơ sở để tăng độ phủ an sinh, đảm bảo quyền lợi của người lao động đối với những công việc có tính chất linh hoạt, bán thời gian như làm việc cho các hộ gia đình, các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ (như nhà hàng, siêu thị, quán cafe...).

Theo đại biểu, bước đầu thực hiện lương tối thiểu giờ thì cách tính mà Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đưa ra là phù hợp, đỡ xáo trộn khi lấy lương tối thiểu tháng chia cho số giờ làm việc tiêu chuẩn. Tuy nhiên, người lao động hưởng lương theo giờ thiệt thòi hơn so với hưởng lương tháng vì không được hưởng các chế độ phúc lợi như nghỉ phép, ốm đau, bảo hiểm xã hội, y tế, phụ cấp...

Đại biểu Trần Thị Thu Phước kiến nghị, thời gian tới, Chính phủ cần nghiên cứu để điều chỉnh tăng lương tối thiểu giờ lên dần dần để đảm bảo đời sống người lao động, đồng thời,

nghiên cứu thí điểm quy định hệ số cộng thêm phù hợp với đặc thù từng ngành nghề, lĩnh vực, trên cơ sở hài hòa quan hệ lao động để tính lương tối thiểu giờ, qua đó, góp phần hoàn thiện chính sách tiền lương của Việt Nam.

Nguồn: baochinhpvu.vn

CHUYỂN ĐỔI SỐ: NHÌN TỪ CƠ SỞ

Trong giai đoạn hiện nay, chuyển đổi số không chỉ là chìa khóa để mỗi cơ quan, đơn vị, lĩnh vực hoàn thành tốt các nhiệm vụ, mà còn góp phần cụ thể thông tin, xây dựng nền hành chính minh bạch, thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số..

Viện Kiểm sát nhân dân TP. Cẩm Phả là điểm sáng của ngành tư pháp trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, đưa số hóa vào từng khâu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nền tảng chính quyền số. Trong đó, đơn vị đã kiện toàn tổ công nghệ thông tin, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác nghiệp vụ.

Viện Kiểm sát nhân dân TP. Cẩm Phả là đơn vị tiên phong xây dựng hồ sơ điện tử, báo cáo án bằng sơ đồ, góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ. Việc số hóa được áp dụng với các tài liệu trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử. Đồng thời, số hóa đối với hồ sơ tạm đình chỉ, không khởi tố để phục vụ công tác lưu trữ. Bên cạnh đó, tất cả các vụ án đều được cán bộ, công chức của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố báo cáo bằng trình chiếu PowerPoint và sơ đồ.

Đặc biệt, giữa tháng 5/2022, Viện Kiểm sát nhân dân TP. Cẩm Phả là đơn vị đầu tiên của tỉnh đầu tư, xây dựng, đưa vào sử dụng phòng hỏi cung có ghi âm, ghi hình. Theo đó, chủ động nghiên cứu, đầu tư, lắp đặt phòng hỏi cung gồm: Phòng cách âm, thiết bị thu hình, đầu ghi hình, máy tính... bằng nguồn kinh phí của đơn vị.

Việc ghi âm, ghi hình trong hỏi cung sẽ góp phần quan trọng vào loại bỏ các trường hợp lạm quyền, bức cung, nhục hình trong hoạt động tư pháp. Đồng thời, ngăn chặn việc thay đổi lời khai của các bị cáo dẫn đến khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Đây là hoạt động thiết thực giúp nâng cao hoạt động của cơ quan tố tụng hình sự, tránh oan sai, bỏ lọt tội phạm, góp phần quan trọng vào việc cải cách tư pháp.

Không riêng lĩnh vực tư pháp, xác định thanh toán không dùng tiền mặt là nền tảng của chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, ngành Ngân hàng tỉnh Quảng Ninh đã đầu tư lắp đặt các ATM thông minh cho phép người sử dụng có thể mở tài khoản, vay tiêu dùng, gửi tiết kiệm...; chuyển đổi từ “thẻ từ” sang “thẻ chip” nâng cao tính an toàn, bảo mật, tiện ích; mở tài khoản bằng phương thức định danh khách hàng điện tử sử dụng trí tuệ nhân tạo...

Các phương thức thanh toán linh hoạt, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao ngày càng trở nên phổ biến như: Ví điện tử, Mobile banking, Internet banking, QR code... Cùng với đó, ngành Ngân hàng cũng tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai lắp đặt, tuyên truyền, hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt tại khu du lịch, chợ truyền thống, siêu thị,

nhà hàng; Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh đang phối hợp với Viettel, Tập đoàn Tuần Châu thí điểm triển khai mô hình thanh toán không dùng tiền mặt tại khu du lịch Tuần Châu. Đồng thời, ưu tiên phát triển mô hình mobile money ở các khu vực vùng sâu, vùng xa, miền núi...

Đến nay, 100% khoản thu nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu qua Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh đều được thực hiện qua các ngân hàng thương mại hoặc qua hệ thống nộp thuế tự động; tỷ lệ đăng ký nộp thuế điện tử tại cơ quan thuế đạt 99,66% so với doanh nghiệp đang hoạt động; 100% Kho bạc Nhà nước lắp POS phục vụ việc thu ngân sách nhà nước; 100% doanh nghiệp điện, nước trong tỉnh triển khai thanh toán tiền điện, nước qua ngân hàng; 100% trường đại học triển khai thực hiện thu học phí qua ngân hàng; 100% cơ sở y tế, bệnh viện, trường học đều được kết nối liên thông thanh toán giữa các ngân hàng; 98,3% đơn vị hưởng lương từ ngân sách, doanh nghiệp đã thực hiện chi trả lương qua tài khoản cho người lao động...

Trên cơ sở Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 Chính phủ ban hành, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 97/KH-UBND về việc triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 - 2025.

Kế hoạch đã đề ra 43 mục tiêu thuộc 7 nhóm chỉ tiêu cơ bản. Trong đó, 30 mục tiêu do tỉnh tự xây dựng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm thúc đẩy các đề án, chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số toàn diện. Đối với 13 mục tiêu còn lại của đề án, kế hoạch của tỉnh đã đề ra 7 mục tiêu cao hơn toàn quốc và 6 mục tiêu bằng mức được giao... Điều này cho thấy sự quyết tâm của ngành ngân hàng và tỉnh trong việc trở thành một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về thanh toán không dùng tiền mặt nói riêng và chuyển đổi số nói chung.

Nguồn: baoquangninh.com.vn

CHÍNH PHỦ: QUY ĐỊNH MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ngày 12/6/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2022/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Nghị định này quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Đối tượng áp dụng gồm: 1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động. 2. Người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động gồm: Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc cho mình theo thỏa thuận. 3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định này.

Về mức lương tối thiểu tháng, Nghị định quy định các mức lương tối thiểu tháng theo 4 vùng: Vùng I tăng 260.000 đồng, từ 4.420.000 đồng/tháng lên 4.680.000 đồng/tháng. Vùng II tăng 240.000 đồng, từ 3.920.000 đồng/tháng lên 4.160.000 đồng/tháng. Vùng III tăng 210.000 đồng từ 3.430.000 đồng/tháng lên 3.640.000 đồng/tháng. Vùng IV tăng 180.000 đồng từ 3.070.000 đồng/tháng lên 3.250.000 đồng/tháng.

Mức lương tối thiểu nêu trên tăng bình quân 6% (tương ứng tăng từ 180.000 đồng - 260.000 đồng) so với mức lương tối thiểu hiện hành.

Về mức lương tối thiểu giờ, Nghị định cũng quy định các mức lương tối thiểu giờ theo 4 vùng: vùng I là 22.500 đồng/giờ, vùng II là 20.000 đồng/giờ, vùng III là 17.500 đồng/giờ, vùng IV là 15.600 đồng/giờ.

Việc áp dụng địa bàn vùng được xác định theo nơi hoạt động của người sử dụng lao động.

Nghị định cũng nêu rõ mức lương tối thiểu tháng là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tháng, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng.

Mức lương tối thiểu giờ là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo giờ, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc trong một giờ và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu giờ.

Đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tuần hoặc theo ngày hoặc theo sản phẩm hoặc lương khoán thì mức lương của các hình thức trả lương này nếu quy đổi theo tháng hoặc theo giờ không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng hoặc mức lương tối thiểu giờ.

Nghị định trên có hiệu lực từ ngày 01/7/2022.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Ngày 16/6/2022, thay mặt Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Lê Văn Thành ký ban hành Quyết định số 721/QĐ-TTg phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong đó, đơn giản hóa thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cụ thể, với thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở, bổ sung hình thức thực hiện thủ tục này theo phương thức điện tử tùy thuộc điều kiện cụ thể về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai đang quản lý tại địa phương.

Bên cạnh đó, thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử giữa các cơ quan thuế, tài nguyên và môi trường, kho bạc, Bộ phận Một cửa, ngân hàng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán để cho phép cá nhân, tổ chức thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai trên hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia.

Lý do là nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục cũng như góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục so với việc thực hiện thủ tục theo phương thức truyền thống.

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử để cá nhân, tổ chức có thể thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong các thủ tục hành chính về đất đai giúp cắt giảm thủ tục, chi phí, thời gian đi lại liên hệ với cơ quan thuế, ngân hàng, Bộ phận Một cửa hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường để nhận thông báo thuế, nộp nghĩa vụ tài chính và nộp chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu là hoàn toàn khả thi dựa trên các hệ thống thông tin đã sẵn sàng như: Hệ thống thanh toán trực tuyến của cổng Dịch vụ công quốc gia; cơ sở dữ liệu thuế; hệ thống một cửa điện tử của 63 tỉnh, thành phố đã kết nối, tích hợp với cổng Dịch vụ công quốc gia,... đồng thời, việc này đã thực hiện thành công đối với thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân đối với thuế, lệ phí trước bạ trên cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mẫu hóa Văn bản chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất

Về thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất, trong thành phần hồ sơ, mẫu hóa Văn bản về chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất. Lý do là bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

Với thủ tục này, thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông điện tử giữa các cơ quan thuế, tài nguyên và môi trường, kho bạc, Bộ phận Một cửa, ngân hàng hoặc tổ chức cung cấp

dịch vụ trung gian thanh toán để cho phép cá nhân, tổ chức thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai trên hệ thống thanh toán trực tuyến của Công dịch vụ công quốc gia.

Lộ trình thực hiện đơn giản hóa 2 thủ tục nêu trên là từ năm 2022 - 2025.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 01/6, Bộ trưởng Bộ Công Thương ký ban hành Thông tư số 10/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN.**

Thông tư nêu rõ về cơ chế chứng nhận xuất xứ và kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa. Theo đó, đối với Chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), Thông tư quy định: Để được hưởng ưu đãi thuế quan, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, Nhà nhập khẩu phải nộp cho cơ quan hải quan Nước thành viên nhập khẩu C/O mẫu D hoặc chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, kèm theo các chứng từ liên quan.

Trong trường hợp C/O mẫu D bị cơ quan hải quan hoặc các cơ quan có liên quan của Nước thành viên nhập khẩu từ chối, C/O đó sẽ được đánh dấu vào ô số 4 và gửi lại cho cơ quan, tổ chức cấp C/O trong một khoảng thời gian hợp lý nhưng không quá 60 ngày. Nước thành viên nhập khẩu phải thông báo cho cơ quan, tổ chức cấp C/O lý do đã từ chối không cho hưởng ưu đãi thuế quan.

Trong trường hợp chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa bị cơ quan hải quan của Nước thành viên nhập khẩu từ chối, chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đó được gửi lại cho cơ quan có thẩm quyền của Nước thành viên xuất khẩu trong một khoảng thời gian hợp lý nhưng không quá 60 ngày. Nước thành viên nhập khẩu phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của Nước thành viên xuất khẩu lý do đã từ chối không cho hưởng ưu đãi thuế quan.

Về thời hạn hiệu lực của Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, Thông tư quy định: Chứng nhận xuất xứ của hàng hóa, Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày cấp hoặc kể từ ngày phát hành và phải được nộp cho cơ quan hải quan Nước thành viên nhập khẩu trong thời hạn đó.

Trường hợp Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa được nộp cho cơ quan hải quan của Nước thành viên nhập khẩu sau thời hạn quy định trên, Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đó vẫn được chấp nhận nếu việc không tuân thủ thời hạn nêu trên là do bất khả kháng hoặc do những nguyên nhân chính đáng khác nằm ngoài kiểm soát của Nhà xuất khẩu.

Trong các trường hợp nộp muộn khác, cơ quan hải quan của Nước thành viên nhập khẩu có thể chấp nhận Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đó với điều kiện hàng hóa được nhập khẩu trước khi hết thời hạn hiệu lực của Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

Theo Thông tư, C/O điện tử có thể được nộp, được cấp và được chấp nhận thay cho C/O giấy, với hiệu lực pháp lý tương đương.

Để được hưởng ưu đãi thuế quan, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, Nhà nhập khẩu phải khai báo thông tin về số tham chiếu của C/O điện tử trên tờ khai hải quan nhập khẩu, nộp kèm theo các chứng từ chứng minh (như hóa đơn thương mại và vận tải đơn chở suốt được cấp trên lãnh thổ của Nước thành viên xuất khẩu trong trường hợp hàng hóa được vận chuyển qua lãnh thổ của một hoặc nhiều nước trung gian không phải là Nước thành viên theo quy định tại Điều 21 của Phụ lục này) và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật Nước thành viên nhập khẩu.

Để phục vụ việc kiểm tra xuất xứ hàng hóa theo quy định, nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu khi đề nghị cấp C/O điện tử phải lưu trữ chứng từ đề nghị cấp C/O điện tử trong thời hạn ít nhất là 3 năm kể từ ngày được cấp C/O điện tử theo quy định của pháp luật Nước thành viên xuất khẩu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ 16/7/2022.

*** Ngày 09/6, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 33/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019 hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước.**

Theo đó, Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 26/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung như sau: “2. Chi xây dựng đề cương chương trình, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm, 5 năm, 10 năm; xây dựng báo cáo cải cách hành chính chuyên đề, định kỳ”.

Còn đối với Khoản 15 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung thành: “15. Chi xây dựng, duy trì hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính”.

Về Khoản 1 Điều 4 cũng được sửa đổi, bổ sung như sau: “1. Chi xây dựng đề cương chương trình, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm, 5 năm, 10 năm; chi xây dựng Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương; chi tổ chức các cuộc họp góp ý, thẩm định đề cương chương trình, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm, 5 năm, 10 năm và góp ý báo cáo cải cách hành chính chuyên đề, định kỳ; Thực hiện theo quy định đối với mức chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở”.

Riêng đối với điểm b Khoản 7 Điều 4 được sửa đổi thành: “7. Chi thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính. b) Chi tạo lập thông tin điện tử phục vụ công tác tuyên truyền cải cách hành chính: Thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông”.

Về Khoản 12 Điều 4 được sửa đổi như sau: “12. Chi xây dựng, duy trì hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính; chi xây dựng, nâng cấp, quản lý và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu cải cách hành chính, website cải cách hành chính; chi số hóa phục vụ công tác cải cách hành chính: Thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông”.

Về chi làm thêm giờ tại Khoản 14 Điều 4 được sửa đổi thành: “14. Chi làm thêm giờ: Thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật hiện hành”.

Thông tư cũng sửa đổi đoạn cuối Khoản 1 Điều 6 như sau: “Chế độ bồi dưỡng ngoài lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quy định tại Thông tư này được áp dụng cho đến khi thực hiện chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang do Chính phủ ban hành để triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp”.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2022.

*** Ngày 03/6, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 30/2022/TT-BTC hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030.**

Theo đó, Thông tư số 30/2022/TT-BTC quy định rõ nội dung hỗ trợ đối với phương thức đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài trình độ tiến sĩ và thạc sĩ.

Đối với học phí và các khoản có liên quan đến học phí: Thực hiện thanh toán theo hợp đồng ký kết giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với cơ sở đào tạo ở nước ngoài hoặc theo mức do cơ sở đào tạo ở nước ngoài thông báo trong giấy báo tiếp nhận học viên (chi bằng đồng đôla Mỹ hoặc bằng đồng tiền của nước sở tại); tối đa không quá 25.000 đô la Mỹ/người học/năm học hoặc tương đương với đồng tiền của nước sở tại. Trường hợp mức học phí cao hơn mức 25.000 đô la Mỹ/người học/năm thì mức chênh lệch học phí cao hơn do người học tự chi trả hoặc do cơ sở giáo dục đại học cử giảng viên đi học chi trả theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Trường hợp đặc biệt, cần thu hút và tạo nguồn giảng viên từ những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 5/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ thì Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể, thực hiện thanh toán theo mức học phí quy định của cơ sở đào tạo và trong phạm vi dự toán được giao.

Chi phí làm hộ chiếu, visa: Thanh toán theo mức quy định của Nhà nước đối với chi phí làm hộ chiếu và theo hóa đơn lệ phí visa thực tế của các nước nơi người học được cử đi đào tạo đối với chi phí làm visa.

Sinh hoạt phí cấp cho người học theo mức quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này. Sinh hoạt phí được cấp theo thời gian học tập thực tế ở nước ngoài (từ ngày nhập học đến ngày kết thúc khóa học nhưng không vượt quá thời gian ghi trong quyết định cử đi đào tạo của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Việc thanh toán sinh hoạt phí cho người học được cấp định kỳ theo quý hoặc 06 tháng/lần, đảm bảo không ảnh hưởng đến việc học tập, nghiên cứu của người học.

Hỗ trợ bảo hiểm y tế bắt buộc tối đa 1.000 đô la Mỹ/người/năm

Theo Thông tư, mức bảo hiểm y tế bắt buộc thực hiện thanh toán theo mức quy định của nước sở tại (căn cứ theo mức thông báo trong giấy tiếp nhận học viên của cơ sở đào tạo) và được cấp bằng đồng đôla Mỹ hoặc bằng đồng tiền của nước sở tại; tối đa không vượt quá 1.000 đô la Mỹ/người/năm;

Trường hợp người học có nguyện vọng mua bảo hiểm y tế ở mức cao hơn mức quy định tại Thông tư này thì phải tự bù phần chênh lệch.

Tiền vé máy bay đi và về (hạng phổ thông): Người học được cấp một lượt vé từ Việt Nam đến nơi học tập và một lượt vé từ nơi học tập về Việt Nam (trừ trường hợp được phía bạn đại thọ) trong toàn bộ thời gian đào tạo.

Chi phí đi đường (để bù đắp các khoản lệ phí sân bay và thuê phương tiện đi lại từ sân bay về nơi ở và ngược lại) được cấp 01 lần với mức khoán là 100 đô la Mỹ/người/cho toàn bộ thời gian đào tạo.

Các khoản chi khác phát sinh trong quá trình đào tạo: Chi phí chuyển và nhận tiền qua ngân hàng liên quan đến khóa đào tạo ở nước ngoài (nếu có): Căn cứ vào các quy định của ngân hàng nước sở tại và ở Việt Nam, nếu có phát sinh lệ phí chuyển tiền hoặc nhận tiền qua ngân hàng thì ngân sách nhà nước sẽ cấp khoản chi này theo thực tế phát sinh.

Hỗ trợ chi phí để xử lý các rủi ro, bất khả kháng xảy ra đối với người học được cử đi đào tạo: Trường hợp người học tử vong, ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ cước phí vận chuyển thi hài hoặc lọ tro từ nước ngoài về nước hoặc hỗ trợ phần còn thiếu của cước phí vận chuyển sau khi bảo hiểm chi trả.

Trường hợp thời gian thực tế đào tạo nhiều hơn thời gian ghi trong Quyết định cử đi đào tạo của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (bao gồm cả do nguyên nhân bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh) và người học vẫn đảm bảo kết quả học tập, được cơ sở đào tạo nước ngoài xác nhận thì người học chỉ được thanh toán các chế độ, chính sách trong thời gian kéo dài khi có Quyết định bổ sung của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng tổng thời gian không vượt quá thời gian quy định về hoàn thành chương trình đào tạo tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT.

Hỗ trợ kinh phí học tập, nghiên cứu cho người học tiến sĩ trong nước

Thông tư nêu rõ nội dung hỗ trợ đối với phương thức đào tạo tiến sĩ tập trung toàn thời gian ở trong nước.

Theo đó, học phí nộp cho các cơ sở giáo dục đại học ở trong nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo xét chọn tham gia các nhiệm vụ đào tạo của Đề án: Thực hiện thanh toán theo mức quy định của cơ sở giáo dục đại học, tối đa không vượt quá khung học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Hỗ trợ kinh phí để người học thực hiện đề tài luận án, tham dự hội thảo, hội nghị ở trong nước, cụ thể: Nhóm ngành Y dược, Thể dục, Thể thao, Nghệ thuật: 20 triệu đồng/người học/năm; Nhóm ngành Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ; nông, lâm, thủy sản: 18 triệu đồng/người học/năm; Nhóm ngành Khoa học xã hội, kinh tế, luật; khách sạn, du lịch và nhóm ngành khác: 13 triệu đồng/người học/ năm.

Thời gian hỗ trợ: Trong thời gian học tại cơ sở đào tạo (không quá 4 năm).

Theo Thông tư, ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% phí công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học và công nghệ uy tín quốc tế thuộc danh mục cơ sở dữ liệu các tạp chí khoa học của Web of Science theo mức thông báo của tạp chí khoa học và công nghệ quốc tế với tư cách là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ;

Người học có kết quả học tập đáp ứng các điều kiện theo Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT, được mời đi tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế hoặc đi thực tập ngắn hạn ở nước ngoài được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí đi lại và sinh hoạt phí (tối đa không quá 01 lần trong cả thời gian đào tạo) theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí. Trong trường hợp người học được các tổ chức khác hỗ trợ các chi phí liên quan đến việc tham dự hội thảo, hội nghị quốc tế hoặc thực tập ngắn hạn thì ngân sách nhà nước sẽ không hỗ trợ các chi phí người học đã được tài trợ.

Các cơ sở giáo dục đại học cử giảng viên đi học có trách nhiệm căn cứ vào các quy định tại Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định tại Thông tư này để xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí và quy chế hỗ trợ đối với người học đáp ứng các điều kiện để được nhận hỗ trợ theo các nội dung nêu trên và thông báo công khai trước khi thực hiện.

Ngoài nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, các cơ sở giáo dục đại học cử giảng viên đi học có thể huy động từ các nguồn đóng góp, hợp pháp khác để hỗ trợ kinh phí học tập, nghiên cứu cho người học theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/7/2022.

*** Ngày 25/5, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ký ban hành Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.**

Theo đó, đối tượng được hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo gồm:

1. Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật

(không có sinh kế ổn định) trên phạm vi cả nước; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo. 2. Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện. 3. Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

Thông tư nêu rõ, việc hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thực hiện theo dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù. Thời gian thực hiện mỗi dự án tối đa 3 năm.

Sẽ ưu tiên hỗ trợ tham gia dự án mô hình giảm nghèo đối với người lao động thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo và hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện dự án mô hình giảm nghèo.

Ưu tiên hỗ trợ dự án mô hình giảm nghèo thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

Theo Thông tư, việc hỗ trợ sẽ tập trung vào 9 nội dung sau: 1. Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường. 2. Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ. 3. Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi. 4. Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. 5. Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm. 6. Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm. 7. Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả. 8. Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao. 9. Xây dựng, quản lý dự án.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 11/7/2022.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI

CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

Chuẩn y ông Nguyễn Công Thắng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh giữ chức vụ Ủy viên, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Bắc Ninh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Bổ nhiệm Thiếu tướng Nguyễn Anh Tuấn, Chủ nhiệm chính trị Bộ đội Biên phòng giữ chức vụ Chính ủy Bộ đội Biên phòng.

Bổ nhiệm Thiếu tướng Trần Ngọc Quyến, Chủ nhiệm chính trị Quân chủng Phòng không - Không quân giữ chức vụ Chính ủy Quân chủng Phòng không - Không quân.

* Bộ Công an:

Thượng tá Nguyễn Huy Hải, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ, Công an tỉnh Bình Phước được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an tỉnh Bình Phước.

* Thành phố Đà Nẵng:

Hội đồng nhân dân TP. Đà Nẵng bãi nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân TP. Đà Nẵng, đại biểu Hội đồng nhân dân TP. Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Minh Trung.

* Tỉnh Bắc Ninh:

Ông Vũ Đức Trọng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Hải Dương được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Ninh từ ngày 20/6/2022.

* Tỉnh Hải Dương:

Ông Nguyễn Huy Hoàng, Phó Giám đốc Phụ trách Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Ninh được điều chuyển giữ chức vụ Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hải Dương.

* Tỉnh Nam Định:

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nam Định đã ban hành Quyết định số 468-QĐ/TU về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh Nam Định.

Theo đó, Ban Chỉ đạo gồm 15 đồng chí do đồng chí Phạm Gia Túc, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban; đồng chí Lê Quốc Chính, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nam Định làm Phó Trưởng ban; đồng chí Hoàng Nguyên Dự, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Nội chính Tỉnh ủy làm Phó Trưởng ban Thường trực.

Các đồng chí: Nguyễn Văn Va, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Nguyễn Mạnh Hiền, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Trần Minh Tiến, Giám đốc Công an tỉnh làm Phó Trưởng ban.

Các Ủy viên Ban Chỉ đạo là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Phó Trưởng ban Ban Nội chính Tỉnh ủy. Thường trực Ban Chỉ đạo gồm Trưởng ban và các Phó Trưởng ban.

*** Tỉnh Quảng Ngãi:**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành quyết định về việc thành lập Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Theo đó, Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trực thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi gồm 15 thành viên, bà Bùi Thị Quỳnh Vân, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi làm Trưởng ban Ban Chỉ đạo.

Các Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo gồm các đồng chí: Đặng Ngọc Huy, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; Trưởng ban Ban Nội chính Tỉnh ủy, Phó Trưởng ban Ban Thường trực Ban Chỉ đạo; Lữ Ngọc Bình, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Võ Văn Quỳnh, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Phan Công Bình, Giám đốc Công an tỉnh.

Ngoài ra, các Ủy viên Ban Chỉ đạo gồm các lãnh đạo các cơ quan: Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phó Trưởng ban Thường trực Ban Nội chính Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

Thường trực Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy gồm: Trưởng ban Ban và các Phó Trưởng ban Ban Nội chính Tỉnh ủy làm nhiệm vụ cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

*** Tỉnh Phú Yên:**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên đã ban hành Quyết định số 622-QĐ/TU về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Theo Quyết định, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh Phú Yên gồm 15 thành viên. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Phạm Đại Dương làm Trưởng ban.

Các Phó Trưởng ban gồm các đồng chí: Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Thị Hòa An; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy Nguyễn Đình Phúc; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Đặng Lê Tiến và Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh Phan Thanh Tám.

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Nội chính Tỉnh ủy Đào Bảo Minh làm Phó Trưởng ban Thường trực.

Các Ủy viên Ban Chỉ đạo gồm một số đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thủ trưởng các cơ quan Tư pháp và cơ quan có liên quan của tỉnh.

*** Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu đã ký ban hành Quyết định số 507-QĐ/TU ngày 16/6/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh.

Theo Quyết định, Ban Chỉ đạo gồm 15 thành viên, do ông Phạm Việt Thanh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng ban. Ban Chỉ đạo có 5 Phó Trưởng ban; Thường trực Ban Chỉ đạo gồm Trưởng ban và các Phó Trưởng ban. Ban Nội chính Tỉnh ủy là cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo.

*** Tỉnh Đồng Tháp:**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp đã ký ban hành Quyết định số 421-QĐ/TU ngày 10/6/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Theo Quyết định, Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh Đồng Tháp gồm 15 thành viên. Trong đó, ông Lê Quốc Phong, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp làm Trưởng ban Ban Chỉ đạo; các Phó Trưởng ban và các Ủy viên là cán bộ lãnh đạo một số ban Đảng, các cơ quan Tư pháp và khối chính quyền của tỉnh Đồng Tháp.

Nguồn: baohinhphu.vn